



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
đã kiểm toán**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. THÔNG TIN CHUNG	1 - 3
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
4. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	9
6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 56

55775
CHI NI
ÔNG T
KIỂM
SAO
RẮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
THÔNG TIN CHUNG

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là “AGM” theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

2. Hoạt động chính

- Xây xát thóc lúa;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

4. Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Tiến Thịnh	Chủ tịch	29/12/2022	-
Ông Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch	22/7/2021	19/4/2022
Ông Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch	19/4/2022	28/6/2022
Ông Nghiêm Hải Anh	Chủ tịch	28/6/2022	29/12/2022
Ông Vũ Ngọc Long	Phó Chủ tịch	28/6/2022	29/12/2022
Ông Hồ Đăng Dân	Thành viên	28/6/2022	29/6/2023
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	28/6/2022	-
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên	29/12/2022	-
Ông Nguyễn Đồng Giang	Thành viên	29/12/2022	29/6/2023
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	29/6/2023	-
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh	Thành viên	29/6/2023	-
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Ông Lê Văn Huy	Thành viên	12/6/2020	15/3/2022
Ông Trần Ngọc Thạch	Thành viên	15/3/2022	28/6/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
THÔNG TIN CHUNG

5. Ban kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lâm Trường	Trưởng ban	28/6/2022	29/6/2023
Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	22/7/2021	28/6/2022
Ông Dương Thanh Bình	Thành viên	28/6/2022	29/6/2023
Ông Huỳnh Minh Phương	Thành viên	29/12/2022	29/6/2023
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Ông Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Bà Huỳnh Thị Kim Oanh	Thành viên	28/6/2022	29/12/2022

6. Ủy ban kiểm toán

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Võ Kim Nguyên	Chủ tịch	06/7/2023	-
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	06/7/2023	-

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 124/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2023, Công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị thay thế hoạt động cho Ban kiểm soát được bãi nhiệm ngày 29/6/2023.

7. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	04/3/2022	-
Ông Võ Thanh Bào	Tổng Giám đốc	20/9/2021	04/3/2022
Ông Bùi Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	22/3/2021	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc	17/3/2023	-
Bà Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	31/10/2022	17/3/2023
Ông Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	23/6/2021	03/7/2023
Ông Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	03/7/2023
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Giám đốc tài chính	13/01/2022	17/3/2023
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	22/6/2017	-

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

<u><i>Họ và tên</i></u>	<u><i>Chức vụ</i></u>
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
THÔNG TIN CHUNG

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CP

XUẤT NHẬP KHẨU

AN GIANG

HUYNH THANH TÙNG

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang (“Công ty”) trình bày bản Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Nhóm Công ty, vì vậy Nhóm Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023



Số: 08.23.22/2023/BCKTHN/SV – CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 24 tháng 8 năm 2023 từ trang 7 đến trang 56 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.7 của Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 70.736.709.418 VND, và cũng tại ngày này nợ phải trả ngắn hạn của Nhóm Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 244.912.488.818 VND, trong đó một phần do bao gồm khoản huy động trái phiếu chuyển từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn là 350.000.000.000 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022, Nhóm Công ty có nợ phải trả ngắn hạn thấp hơn tài sản ngắn hạn là 271.909.762.031 VND), và thanh khoản trái phiếu ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Giả định về hoạt động liên tục của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng Nhóm Công ty có thể thanh toán hoặc tái cấu trúc lại các khoản nợ vay và trái phiếu sắp đáo hạn, cũng như thực hiện các giải pháp khác để tạo ra dòng tiền để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty như đã được trình bày tại Thuyết minh VIII.8. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VIII.7 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.5 của Báo cáo tài chính cho thấy Nhóm Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện đối với khoản tiền trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh đến thời điểm này không thu hồi được số tiền 24.500.000.000 VND. Đồng thời, Nhóm Công ty cũng chuẩn bị hồ sơ đề khởi kiện đối với khoản tiền trả trước cho Ông Lê Quang Nhuận đến thời điểm này không thu hồi được số tiền 20.000.000.000 VND. Các vấn đề này sẽ tùy thuộc vào sự hợp tác của các bên bị khởi kiện cũng như phán quyết của Tòa án có thẩm quyền.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 18 tháng 2 năm 2022.



Đặng Thị Thiên Nga

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462 -2023-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Trần Phương Yến

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2021-107-1

Địa chỉ: Số 01 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		783.979.014.858	1.301.463.528.118
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>11.226.300.334</i>	<i>231.677.264.187</i>
1. Tiền	111		11.226.300.334	186.677.264.187
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	45.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.2</i>	<i>77.840.000.000</i>	<i>58.500.000.000</i>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		62.505.203.375	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(38.565.203.375)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<i>V.3</i>	53.900.000.000	58.500.000.000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>531.975.090.526</i>	<i>778.176.036.528</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<i>V.4</i>	147.898.321.286	398.634.990.492
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<i>V.5</i>	348.695.532.949	216.246.397.664
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<i>V.6</i>	5.700.000.000	12.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<i>V.7</i>	140.886.863.030	156.516.547.438
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	<i>V.8</i>	(111.205.626.740)	(6.021.899.066)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.9</i>	<i>128.677.894.457</i>	<i>211.952.992.951</i>
1. Hàng tồn kho	141		130.505.545.400	217.817.421.431
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.827.650.943)	(5.864.428.480)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>34.259.729.541</i>	<i>21.157.234.452</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<i>V.10</i>	1.949.087.124	490.246.862
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.310.642.417	20.520.523.737
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	<i>V.21</i>	-	146.463.853
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		796.820.195.887	554.952.515.705
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>2.830.747.406</i>	<i>3.834.247.406</i>
4. Phải thu dài hạn khác	216		2.830.747.406	3.834.247.406
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>646.279.963.550</i>	<i>283.748.400.472</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.11</i>	247.201.941.787	203.526.064.689
- Nguyên giá	222		458.745.646.445	411.664.087.904
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(211.543.704.658)	(208.138.023.215)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<i>V.12</i>	88.405.663.692	-
- Nguyên giá	225		90.792.387.627	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.386.723.935)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.13</i>	310.672.358.071	80.222.335.783
- Nguyên giá	228		317.943.464.538	84.078.185.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.271.106.467)	(3.855.849.798)
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>10.070.413.840</i>	<i>1.094.964.143</i>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.070.413.840	1.094.964.143
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>90.370.106.269</i>	<i>257.845.682.703</i>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<i>V.14</i>	90.370.106.269	131.556.532.703
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	<i>V.15</i>	19.950.000	126.289.150.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	<i>V.16</i>	(19.950.000)	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>47.268.964.822</i>	<i>8.429.220.981</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>V.10</i>	9.126.869.183	7.511.776.126
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<i>V.17</i>	-	917.444.855
5. Lợi thế thương mại	269	<i>V.18</i>	38.142.095.639	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.580.799.210.745	1.856.416.043.823

Địa chỉ: Số 01 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.288.785.900.554	1.373.757.471.254
I. Nợ ngắn hạn	310		1.028.891.503.676	1.029.553.766.087
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.19	20.898.600.214	26.712.241.058
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	10.870.252.889	32.486.808.793
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	2.047.676.716	10.698.780.064
4. Phải trả người lao động	314		5.088.281.780	3.525.466.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	26.620.114.839	9.252.890.420
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	5.667.390.867	4.770.212.915
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	952.978.943.102	937.654.243.196
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	4.720.243.269	4.453.123.269
II. Nợ dài hạn	330		259.894.396.878	344.203.705.167
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	668.200.000	976.381.818
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24	257.236.498.862	340.799.833.333
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26	1.989.698.016	2.427.490.016
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		292.013.310.190	482.658.572.569
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.27	292.013.310.190	482.658.572.569
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		120.464.000.000	120.464.000.000
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.021.000.000	5.021.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(70.736.709.418)	175.173.572.569
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		174.173.572.569	130.461.105.148
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(244.910.281.987)	44.712.467.421
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		55.265.019.608	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.580.799.210.745	1.856.416.043.823

Cao Phước Quý
Người lậpTrần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	3.432.577.474.767	3.931.417.745.703
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	2.728.329.936	6.577.168.921
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VL1	3.429.849.144.831	3.924.840.576.782
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	3.250.300.784.906	3.690.587.174.472
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		179.548.359.925	234.253.402.310
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	75.359.196.332	47.157.961.799
7. Chi phí tài chính	22	VL4	163.179.622.119	27.304.487.510
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		94.122.569.414	20.999.725.548
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.126.200.443	551.334.972
9. Chi phí bán hàng	25	VL5	200.410.712.380	176.170.896.878
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	141.827.661.457	36.235.694.251
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(245.384.239.256)	42.251.620.442
12. Thu nhập khác	31	VL7	16.215.860.361	15.935.249.471
13. Chi phí khác	32	VL8	1.291.073.925	598.189.736
14. Lợi nhuận khác	40		14.924.786.436	15.337.059.735
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(230.459.452.820)	57.588.680.177
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL21	1.605.861.295	12.767.200.262
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		917.444.855	109.012.494
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(232.982.758.970)	44.712.467.421
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		(234.162.606.334)	44.712.467.421
20. Lợi nhuận sau thuế của CD không kiểm soát	62		1.179.847.364	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	(12.866)	2.402
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL9	(12.866)	2.402

Cao Phước Qui
Người lậpTrần Thị Cẩm Châu
Kế toán trưởngHuỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(230.459.452.820)	57.588.680.177
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	28.270.336.021	16.251.752.683
- Các khoản dự phòng	03	115.716.953.077	376.062.540
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.207.665.690)	2.458.473.983
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(39.797.043.394)	(49.433.930.911)
- Chi phí lãi vay	06	95.005.100.872	20.999.725.348
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	(34.471.771.934)	48.240.764.020
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	68.467.916.434	(736.406.682.708)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	87.311.876.031	2.482.917.854
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN)	11	(29.002.099.565)	57.170.190.650
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.073.933.319)	(533.244.914)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(62.505.203.375)	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(74.410.791.190)	(19.041.517.004)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.614.748.650)	(7.557.980.268)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(731.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(57.298.755.568)	(656.347.102.371)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(37.858.944.061)	(200.029.861.450)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	62.198.896.260	13.773.312.814
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(158.280.000.000)	(115.410.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	139.580.000.000	208.940.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.800.000.000)	(76.980.050.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	18.231.913.748
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.178.574.652	6.511.565.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(981.473.149)	(144.963.119.849)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.931.086.801.802	3.355.776.453.586
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.059.587.532.523)	(2.430.846.860.390)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(33.669.773.533)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(162.170.504.254)	924.929.593.196
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(220.450.732.971)	123.619.370.977
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	231.677.264.187	108.240.348.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(230.882)	(182.455.465)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.226.300.334	231.677.264.187

Cao Phước Qui
Người lậpTrần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởngHuỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là “AGM” theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 182.000.000.000 VND bao gồm 18.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

2. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) bao gồm:

- Xây sát thóc lúa;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc Nhóm Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty con sau:

TT	Công ty con	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính	Trụ sở chính
1.	Công ty TNHH Lương thực Angimex	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Long Xuyên, An Giang
2.	Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông thôn Đồng Tháp	100,00	100,00	Sản xuất phân bón	Cao Lãnh, Đồng Tháp
3.	Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Tri Tôn, An Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.	Công ty TNHH Angimex Furious	70,00	70,00	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và dịch vụ sửa chữa	Long Xuyên, An Giang
5.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nông nghiệp Công nghệ cao Angimex	100,00	100,00	Hoạt động dịch vụ nông nghiệp	Thoại Sơn, An Giang
6.	Công ty TNHH thu mua lương thực Angimex (*)	100,00	100,00	Mua bán lương thực	Thoại Sơn, An Giang
7.	Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh (*)	100,00	100,000	Sản xuất các sản phẩm từ trấu	Cao Lãnh, Đồng Tháp
8.	Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex)	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Thoại Sơn, An Giang

(*) Thực tế, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Mẹ chưa góp vốn vào các Công ty con này. Riêng Công ty TNHH thu mua lương thực Angimex, Công ty đã làm thủ tục giải thể, đóng mã số thuế vào ngày 29 tháng 03 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

TT	Công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính	Trụ sở chính
1.	Công ty TNHH Angimex - Kitoku	32,96	32,96	Xuất nhập khẩu gạo	Long Xuyên, An Giang
2.	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	25,00	25,00	Kinh doanh siêu thị	Long Xuyên, An Giang
3.	Công ty CP Golden Paddy	29,55	29,55	Sản xuất và kinh doanh lương thực	Châu Thành, An Giang
4.	Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	49,00	49,00	Kinh doanh lương thực	TP.Hồ Chí Minh

Chi nhánh trực thuộc Công ty

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đặt tại tầng 4, số 353 – 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động của Chi nhánh: kinh doanh lương thực.

5. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Nhóm Công ty là 377 nhân viên.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Nhóm Công ty là 207 nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Nhóm Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thể thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng. Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Nhóm Công ty. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Nhóm Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Liên doanh và công ty liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Nhóm Công ty được chia sau khi đầu tư vào các liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong liên doanh và các công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Nhóm Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong các bên liên doanh, liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ;
- Dự phòng phải trả dài hạn

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Lệnh kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Nhóm Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Nhóm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ kế toán. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

dự thu. Lãi được hưởng trước khi Nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là công ty trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

6. **Nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

9. Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên, nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 01 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Chương trình phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là thương hiệu Logo của Nhóm Công ty. Nguyên giá tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vô hình khác vào sử dụng. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

12. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

13. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Nhóm Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

16. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo.

19. Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua.

Lợi nhuận sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất kinh doanh để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, nâng cao phúc lợi cho nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Nhóm Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Nhóm Công ty thì Nhóm Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập lãi

Tiền lãi ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Thu nhập lãi khác được ghi nhận khi được hưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Nhóm Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

21. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

23. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ mua bán chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

24. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

26. Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

27. Bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh, liên kết là các bên liên quan. Các bên liên doanh, liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên doanh, liên kết này hoặc những công ty liên doanh, liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.363.919.930	1.058.542.120
Tiền gửi ngân hàng	9.862.380.404	185.618.722.067
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	45.000.000.000
Cộng	11.226.300.334	231.677.264.187

2. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Tư vấn thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	62.505.203.375	23.940.000.000	(38.565.203.375)	-	-	-
Cộng	62.505.203.375	23.940.000.000	(38.565.203.375)	-	-	-

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	53.900.000.000	53.900.000.000	58.500.000.000	58.500.000.000
Cộng	53.900.000.000	53.900.000.000	58.500.000.000	58.500.000.000

(*) Số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,4%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Bên liên quan	8.084.922.850	(5.659.445.995)	9.087.849.371	-
- Công Ty Cổ Phần Golden Paddy	8.084.922.850	(5.659.445.995)	-	-
Bên thứ ba	139.813.398.436	(28.202.136.766)	389.547.141.121	(5.547.315.541)
- Moi International	-	-	52.658.239.028	-
- Cty TNHH Lương thực Khánh Hân	-	-	31.573.350.400	-
- Công ty TNHH XNK Lương thực C&N	-	-	29.916.504.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Helen	-	-	31.008.782.000	-
- Công ty Cổ Phần Golden Paddy SG	30.966.407.000	(21.676.484.900)	-	-
- Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đồng Nam Bộ	21.174.500.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dừng Ký	19.924.000.000	-	-	-
- Khách hàng khác	67.748.491.436	(6.525.651.866)	244.390.265.693	(5.547.315.541)
Cộng	147.898.321.286	(33.861.582.761)	398.634.990.492	(5.547.315.541)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 49.418.671.323 VND và 6.104.170.838 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng của Nhóm Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	1.049.190.000	-
Bên thứ ba	348.695.532.949	(72.178.273.000)	215.197.207.664	(184.844.000)
Huỳnh Thị Thủy Vy (5.1)	179.240.016.890	-	105.700.000.000	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Kiên Giang	-	-	40.400.000.000	-
Công ty TNHH Tân Kỳ	19.195.000.000	-	22.570.000.000	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	50.040.390.000	(35.028.273.000)	-	-
Từ Thị Hồng Thanh (5.2)	24.500.000.000	(17.150.000.000)	-	-
Lê Quang Nhuận (5.3)	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	-
Lư Minh Sĩ	20.000.000.000	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	35.720.126.059	-	46.527.207.664	(184.844.000)
Cộng	348.695.532.949	(72.178.273.000)	216.246.397.664	(184.844.000)

5.1. Nhóm Công ty đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng khác với Bà Huỳnh Thị Thủy Vy đối với 6 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21 tháng 7 năm 2022.

Nhà máy Hoàng Long tại Đồng Tháp đặt tại Ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đều liên quan đến 6 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên và đang được Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sang tên cho Nhóm Công ty theo Công văn số 531/STNMT-QLĐĐ ngày 14/02/2023 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.2. Nhóm Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác số 01/2021/CBLT-CN ngày 20 tháng 12 năm 2021 với bà Từ Thị Hồng Thanh để thực hiện thu mua lúa gạo. Theo hợp đồng nêu trên, Nhóm Công ty đã tạm ứng cho Bà Từ Thị Hồng Thanh số tiền 62.000.000.000 VND. Trong năm, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã thực hiện hoàn ứng được 37.500.000.000 VND, số còn ứng tại 31/12/2022 là 24.500.000.000 VND hiện đã quá hạn thanh toán. Theo Hợp đồng nêu trên, Bà Từ Thị Hồng Thanh cam kết thế chấp quyền sử dụng đất và nhà kho theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo số công chứng ngày 17/8/2021 với giá trị trúng đấu giá là 11.512.000.000 VND. Tuy nhiên, đến nay Nhóm Công ty chưa nắm giữ được tài sản đảm bảo này. Hiện Nhóm Công ty đang nộp hồ sơ khởi kiện Bà Từ Thị Hồng Thanh.

5.3. Tại ngày 24 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty đã chuyển tiền cho Ông Lê Quang Nhuận, căn cước công dân số 089085000196 cấp ngày 27/3/2018 tại Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và quản lý về dân cư, thường trú tại 678 Kinh Dương Vương, An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh số tiền 20.000.000.000 VND thông qua tài khoản của bên thụ hưởng số 1018103503 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Phú Nhuận. Đây là khoản tạm ứng để chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích là 11.300 m² tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, đến nay Ông Lê Quang Nhuận đã không tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất nêu trên cho Nhóm Công ty cũng không hoàn trả lại cho Nhóm Công ty số tiền đã nhận ứng trước. Nhóm Công ty đang tiến hành hồ sơ khởi kiện Ông Lê Quang Nhuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 94.540.390.000 VND và 184.844.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	12.800.000.000	-
Bên thứ ba	5.700.000.000	(4.000.000.000)	-	-
Công ty CP VKC Holding	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	-
Công ty TNHH SXTM Lê Phúc Khang	1.700.000.000	-	-	-
Cộng	5.700.000.000	(4.000.000.000)	12.800.000.000	-

Số dư thể hiện các khoản cho vay có thời hạn dưới 12 tháng, với lãi suất 7% đến 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư khoản cho vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán là 4.000.000.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chủ bằng đồng tiền khác)

7. Phải thu khác**7.1. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
<i>Bên liên quan</i>	-	-	84.090.161.644	-
<i>Bên thứ ba</i>	140.886.863.030	-	72.426.385.794	-
- Tạm ứng hợp đồng đi thuê tài chính	1.500.000.000	-	14.282.333.675	-
- Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản thuê tài chính chờ ghi nhận	1.427.293.879	-	-	-
- Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	-	-	2.720.000.000	-
- Lãi tiền gửi	719.852.054	-	1.038.017.808	-
- Tạm ứng	34.953.077.186	-	53.964.437.236	-
- Lâm Tú Ngọc (7.1.1)	100.000.000.000	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	2.286.639.911	(1.165.770.979)	421.597.075	(289.739.525)
Cộng	140.886.863.030	(1.165.770.979)	156.516.547.438	289.739.525

7.1.1. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 177/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (Công ty Mẹ sở hữu 100% vốn của Công ty), quyết định mua lại Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp với giá mua là 100.000.000.000 VND. Bà Lâm Tú Ngọc hiện đang đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp đã nhận tiền ứng chuyển nhượng 100% vốn sang cho Nhóm Công ty. Hiện nay, Nhóm Công ty đang hoàn tất các thủ tục để tiếp nhận Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Đồng Tháp trở thành Công ty thành viên của Nhóm Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán lần lượt là 1.251.477.379 VND và 289.739.525 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

7.2. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Bên thứ ba</i>	2.830.747.406	-	3.834.247.406	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.830.747.406	-	3.834.247.406	-
Cộng	2.830.747.406	-	3.834.247.406	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2022 như sau:*

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	Từ 1 đến 3 năm	49.418.671.323	(33.861.582.761)	15.557.088.562
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Dưới 1 năm	94.540.390.000	(72.178.273.000)	22.362.117.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	Từ 1 đến 3 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	Từ 1 đến 3 năm	1.251.477.379	(1.165.770.979)	85.706.400
Cộng		149.210.538.702	(111.205.626.740)	38.004.911.962

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2021 như sau:

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	Từ 1 đến 3 năm	6.289.014.838	(6.021.899.066)	267.115.772
Cộng		6.289.014.838	(6.021.899.066)	267.115.772

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(6.021.899.066)	(5.783.775.844)
Trích lập dự phòng bổ sung	(105.183.727.674)	(238.123.222)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(111.205.626.740)	(6.021.899.066)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.258.492.454	-	22.778.936.313	(1.721.600.365)
Công cụ dụng cụ	10.046.733.238	-	7.409.700.968	-
Sản phẩm dở dang	-	-	2.039.371.119	-
Thành phẩm	12.800.428.441	(49.484.931)	70.613.876.043	(3.029.693.566)
Hàng hóa	103.399.891.267	(1.778.166.012)	114.975.536.988	(1.113.134.549)
Cộng	130.505.545.400	(1.827.650.943)	217.817.421.431	(5.864.428.480)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần hàng tồn kho của Nhóm Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(5.864.428.480)	(4.918.709.662)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(945.718.818)
Hoàn nhập dự phòng	4.036.777.537	-
Số cuối năm	(1.827.650.943)	(5.864.428.480)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Chi phí trả trước

10.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.286.495.422	273.889.712
Khác	662.591.702	216.357.150
Cộng	1.949.087.124	490.246.862

10.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí san lấp mặt bằng	3.309.164.272	3.655.258.850
Công cụ và dụng cụ	1.508.373.682	973.057.284
Khác	4.309.331.229	2.883.459.992
Cộng	9.126.869.183	7.511.776.126

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	147.458.940.644	241.760.171.829	16.045.268.110	6.399.707.321	411.664.087.904
Mua trong kỳ	35.949.048.932	157.102.694.866	1.054.318.182	10.632.219.566	204.738.281.546
Đầu tư XDCB hoàn Thành	699.350.995	-	-	-	699.350.995
Tặng khác	35.772.795.198	12.142.442.222	850.023.115	386.014.272	49.151.274.807
Góp vốn	(32.048.745.988)	(99.041.356.150)	-	(3.835.118.478)	(134.925.220.616)
Thanh lý, nhượng bán	(3.805.760.601)	(64.888.276.681)	(3.571.590.909)	(316.500.000)	(72.582.128.191)
Phân loại lại	-	(3.807.527.977)	(42.088.728)	3.849.616.705	-
Số cuối năm	184.025.629.180	243.268.148.109	14.335.929.770	17.115.939.386	458.745.646.445
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(79.577.717.100)	(110.847.870.792)	(12.002.992.110)	(5.709.443.213)	(208.138.023.215)
Khấu hao trong kỳ	(6.771.276.629)	(14.193.828.955)	(1.022.770.325)	(1.218.978.227)	(23.206.854.136)
Tặng khác	(4.143.812.371)	(2.220.096.252)	(111.892.571)	(110.488.876)	(6.586.290.070)
Góp vốn	84.448.975	919.751.729	-	37.114.050	1.041.314.754
Thanh lý, nhượng bán	13.688.716.521	9.922.061.552	1.418.869.936	316.500.000	25.346.148.009
Phân loại lại	-	-	(37.468.796)	37.468.796	-
Số cuối năm	(76.719.640.604)	(116.419.982.718)	(11.756.253.866)	(6.647.827.470)	(211.543.704.658)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	67.881.223.544	130.912.301.037	4.042.276.000	690.264.108	203.526.064.689
Số cuối năm	107.305.988.576	126.848.165.391	2.579.675.904	10.468.111.916	247.201.941.787

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 132.083.656.776 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 125.623.954.278 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần máy móc thiết bị của Nhóm Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Số đầu năm	-	-
Thuê tài chính trong năm	90.792.387.627	90.792.387.627
Số cuối năm	90.792.387.627	90.792.387.627
Hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	2.386.723.935	2.386.723.935
Số cuối năm	2.386.723.935	2.386.723.935
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	88.405.663.692	88.405.663.692

Số dư thể hiện máy móc thiết bị thuê tài chính được thuê từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hợp đồng cho thuê có thời hạn là 60 tháng với lãi suất thay đổi theo từng giai đoạn. Nhóm Công ty được quyền mua lại tài sản thuê tài chính này sau khi hợp đồng cho thuê kết thúc với giá bán lại được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bảng quyền thương hiệu	Phần mềm quản lý	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	81.969.798.581	612.300.000	1.496.087.000	-	84.078.185.581
Mua trong năm	130.451.357.000	-	231.103.000	62.640.000	130.745.100.000
Tăng khác	130.050.145.982	-	591.711.000	-	130.641.856.982
Góp vốn	309.140.280	-	-	-	309.140.280
Thanh lý, nhượng bán	(131.502.240)	-	-	-	(131.502.240)
Giảm khác	(27.699.316.065)	-	-	-	(27.699.316.065)
Số cuối năm	314.949.623.538	612.300.000	2.318.901.000	62.640.000	317.943.464.538
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(2.874.149.154)	(342.288.169)	(639.412.475)	-	(3.855.849.798)
Khấu hao trong năm	(1.522.801.691)	(112.614.479)	(376.537.696)	(14.416.732)	(2.026.370.598)
Tăng khác	(2.433.673.398)	-	(133.304.602)	-	(2.566.978.000)
Góp vốn	3.573.720	-	-	-	3.573.720
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	1.174.518.209	-	-	-	1.174.518.209
Số cuối năm	(5.652.532.314)	(454.902.648)	(1.149.254.773)	(14.416.732)	(7.271.106.467)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	79.095.649.427	270.011.831	856.674.525	-	80.222.335.783
Số cuối năm	309.297.091.224	157.397.352	1.169.646.227	48.223.268	310.672.358.071

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 356.584.000 VND và 434.284.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, một phần quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và trái phiếu (Thuyết minh V.24).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022**(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***14. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cty TNHH Angimex - Kitoku	31.433.942.097	-	27.877.157.629	-
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	21.415.970.300	-	19.041.037.161	-
Cty CP Golden Paddy	27.790.748.163	-	32.717.618.898	-
Cty TNHH Angimex Furious	-	-	51.920.719.015	-
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex	9.729.445.709	-	-	-
Cộng	90.370.106.269	-	131.556.532.703	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty liên doanh, liên kết:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Tỷ lệ (%)	Giá gốc	Tỷ lệ (%)
Cty TNHH Angimex - Kitoku	31.433.942.097	32,96%	27.877.157.629	32,96%
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	21.415.970.300	25,00%	19.041.037.161	25,00%
Cty CP Golden Paddy	27.790.748.163	29,55%	32.717.618.898	29,55%
Cty TNHH Angimex Furious	-	-	51.920.719.015	49,00%
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex	9.729.445.709	49,00%	-	-
Cộng	90.370.106.269	-	131.556.532.703	-

Biến động về đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	131.556.532.703	48.818.555.148
Góp vốn Công ty Cổ Phần Golden Paddy	-	32.500.000.000
Góp vốn Cty TNHH Thương mại Louis - Angimex	9.800.000.000	-
Chuyển từ công ty con sang công ty liên kết	-	51.920.719.015
Chuyển từ công ty liên kết sang công ty con	(51.920.719.015)	-
Lãi từ công ty liên doanh liên kết	2.022.319.184	551.334.972
Lợi nhuận được chia	(1.088.026.603)	(2.234.076.432)
Số cuối năm	90.370.106.269	131.556.532.703

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DAP Vinachem	-	-	126.289.150.000	-
Đơn vị khác	19.950.000	(19.950.000)	-	-
Cộng	19.950.000	(19.950.000)	126.289.150.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong năm 2022, Nhóm Công ty đã nhượng bán toàn bộ cổ phiếu của Công ty DAP Vinachem và ghi nhận khoản lãi từ hoạt động đầu tư này vào doanh thu tài chính số tiền 22.062.617.375 VND.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(19.950.000)	-
Cộng	(19.950.000)	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Điều chỉnh cho năm trước	(19.950.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(19.950.000)	-

17. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	-	485.498.003
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	-	431.946.852
Cộng	-	917.444.855

Biến động về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	917.444.855	1.026.457.349
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(917.444.855)	(109.012.494)
Số dư cuối năm	-	917.444.855

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	485.498.003
Khác	-	431.946.852
Cộng	-	917.444.855

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại năm 2021 là 15% và 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Tại thời điểm 31/12/2022, tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản chênh lệch tạm thời như lãi vay trong giao dịch liên kết không được trừ trong năm nay, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo kế toán ... vì Nhóm Công ty ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

18. Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Tăng do Hợp nhất kinh doanh Công ty con	38.142.095.639	-
- Giá mua Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành	150.000.000.000	-
- Giá trị hợp lý của tài sản thuần tại ngày mua	111.857.904.361	-
Chênh lệch	38.142.095.639	-

Nhóm Công ty sẽ phân bổ lợi thế thương mại kể từ năm 2023 vì Công ty Mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022. Thời gian phân bổ không quá 10 năm.

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	20.898.600.214	26.712.241.058
- Cty TNHH MTV Kho Vận Wings Global	782.832.255	6.802.212.229
- Cty TNHH Phạm Trí Nguyễn	-	3.274.166.519
- Cty TNHH vận chuyển Thuận Phong	186.604.920	2.099.409.255
- Cty CP Tiếp vận Phước Tạo	117.080.856	1.919.509.998
- Cty TNHH MTV Tân Cảng Sài Gòn	1.041.336.000	2.154.118.182
- Cty TNHH TM Hiền Phan	1.952.580.000	-
- Khác	16.818.166.183	10.462.824.875
Cộng	20.898.600.214	26.712.241.058

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	10.870.252.889	32.486.808.793
- Isaj Sea Transport Corporation	6.878.690.854	-
- Carolina Marketing	1.177.415.750	-
- Commerce Moderna Sal	-	15.336.519.812
- Golden Lucky Sun Ent	-	7.064.818.751
- Khác	2.814.146.285	10.085.470.230
Cộng	10.870.252.889	32.486.808.793

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT		1.293.814.827	11.474.089.848	(12.061.831.651)		706.073.024
- Thuế TNDN	-	9.048.476.089	1.605.861.295	(9.614.748.650)	-	1.039.588.734
- Thuế TNCN	-	356.489.148	1.616.552.990	(1.671.027.180)	-	302.014.958
- Thuế khác	146.463.853	-	2.384.241.233	(2.237.777.380)	-	-
Cộng	146.463.853	10.698.780.064	17.080.745.366	(25.585.384.861)	-	2.047.676.716

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2022 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Chi phí thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(230.459.452.820)	57.588.680.177
- Các khoản điều chỉnh tăng	102.897.491.033	1.821.631.058
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.594.002.231)	(3.021.905.932)
Thu nhập chịu thuế	(129.155.964.018)	33.869.128.196
Lỗ được chuyển lỗ	(129.155.964.018)	(1.173.141.612)
Trong đó,		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Hoạt động kinh doanh lương thực	15%	15%
Hoạt động khác (kể cả bất động sản)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.605.861.295	12.767.200.262
Tổng thuế TNDN phải nộp	1.605.861.295	12.767.200.262

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	22.361.132.481	2.649.354.257
Thù lao Hội đồng quản trị	1.696.000.000	420.278.000
Phí quản lý tài sản	-	2.000.000.000
Chi phí hỗ trợ bán hàng	773.402.164	1.046.912.147
Khác	1.789.580.194	3.136.346.016
Cộng	26.620.114.839	9.252.890.420

23. Phải trả khác**23.1. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	1.829.714.816	1.376.156.893
- Phải trả về cổ phần hóa	2.417.578.793	2.417.578.793
- Các khoản phải trả khác	1.420.097.258	976.477.229
Cộng	5.667.390.867	4.770.212.915

23.2. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba		
- Nhận tiền ký quỹ	668.200.000	976.381.818
Cộng	668.200.000	976.381.818

24. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	952.978.943.102	937.654.243.196
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	257.236.498.862	340.799.833.333
Cộng	1.210.215.441.964	1.278.454.076.529

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

24.1. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	596.895.158.474	937.654.243.196
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN An Giang (VND) (24.1.1)	2.863.547.692	33.123.484.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN An Giang (VND) (24.1.2)	73.579.970.889	99.838.196.000
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (VND) (24.1.3)	23.530.000.000	72.513.803.496
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (USD) (24.1.3)	290.046.510.000	578.372.035.440
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (VND) (24.1.4)	82.162.346.809	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang (VND) (24.1.5)	6.976.300.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang (USD)	-	16.367.813.760
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (VND) (24.1.6)	390.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (USD) (24.1.6)	27.440.967.300	55.649.760.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN TP Hồ Chí Minh (USD) (24.1.7)	78.207.870.000	-
Vay cá nhân - Trần Thị Thùy Dương (VND) (24.1.8)	2.079.319.000	-
Công ty CP chứng khoán Trí Việt (VND)	-	81.789.150.000
Vay cán bộ công nhân viên (VND) (24.1.9)	7.518.326.784	-
Vay cá nhân khác (24.1.10)	2.100.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả	356.083.784.628	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh (VND)	7.062.951.293	-
Trái phiếu AGMH2123001 - Nợ gốc (24.1.11)	350.000.000.000	-
Trái phiếu AGMH2123001 - Phí	(979.166.665)	-
Cộng	952.978.943.102	937.654.243.196

24.1.1. Khoản vay ngắn hạn theo hình thức thế tín dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, không có tài sản thế chấp.

24.1.2. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14503037/HĐTD và văn bản sửa đổi bổ sung số 02/2022/14503037/HĐTD, có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, có tài sản thế chấp là hàng tồn kho, các khoản phải thu và máy móc thiết bị với giá trị tối thiểu tương đương với dư nợ gốc và lãi vay của Nhóm Công ty cùng với (Thuyết minh V.2, Thuyết minh V.5 và Thuyết minh V.7).

24.1.3. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/548402/HĐTD, có kỳ hạn từ 105 ngày đến 4 tháng với lãi suất từ 3,6%/năm đến 9,5%/năm: Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Nhóm Công ty (Thuyết minh V.3, Thuyết minh V.11 và Thuyết minh V.13)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 24.1.4. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01.08/2021/14563416/HĐTD, có kỳ hạn 4 tháng với lãi suất 9,5%/năm: Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Nhóm Công ty (Thuyết minh V.3, và Thuyết minh V.13)
- 24.1.5. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 469/2021 /HĐTD/AGG/01, có kỳ hạn 8 tháng với lãi suất 8,75%/năm. Khoản vay nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và hàng tồn kho luân chuyển của Nhóm Công ty (Thuyết minh V.4 và Thuyết minh V.9).
- 24.1.6. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 4245/22MN/HĐTD, có kỳ hạn 4 tháng với lãi suất từ 5,55%/năm đến 12%/năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và hàng tồn kho luân chuyển của Nhóm Công ty (Thuyết minh V.3, Thuyết minh V.4 và Thuyết minh V.9).
- 24.1.7. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 3126/22/TD/I, có kỳ hạn 4 tháng với lãi suất 5% năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty (Thuyết minh V.13).
- 24.1.8. Khoản vay ngắn hạn với cá nhân theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/2022 đến số 07/HĐTD/2022 có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.
- 24.1.9. Khoản vay ngắn hạn với các cán bộ công nhân viên Công ty theo Thông báo số 489/TB-XNK có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 2%/năm đến 12%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.10. Khoản vay ngắn hạn với các cá nhân khác có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 6%/năm đến 11,25%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.
- 24.1.11. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 69/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021, Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 102/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2123001 sẽ được sử dụng để mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp để mở rộng hoạt động sản xuất chế biến gạo. Ngày đáo hạn là ngày 09 tháng 11 năm 2023. Theo Biên bản Hội nghị sở hữu trái phiếu AGMH2123001 tổ chức ngày 03/02/2023, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết số phát sinh khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	937.654.243.196	273.889.500.000
Số tiền vay phát sinh	2.609.232.525.995	3.094.611.603.586
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	3.139.482.062	-
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang	356.083.784.628	-
Số tiền vay đã trả	(2.953.131.092.779)	(2.430.846.860.390)
Số cuối năm	952.978.943.102	937.654.243.196

24.2. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ thuê tài chính	47.707.998.860	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	47.707.998.860	-
Vay trái phiếu	209.528.500.002	340.799.833.333
Trái phiếu AGMH2223001 – Nợ gốc (24.2.1)	210.001.000.000	342.954.000.000
Trái phiếu AGMH2223001 – Phí	(472.499.998)	(2.154.166.667)
Cộng	257.236.498.862	340.799.833.333

24.2.1. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 132/NQ-HDQT ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2223001 sẽ được sử dụng để đầu tư, góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Angimex (Công ty con, tổ chức phát hành sở hữu 100% vốn) nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến lúa gạo. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu số 01/NQ-NSHTP ngày 04/7/2023, đã thông qua việc gia hạn trái phiếu AGMH2223001 đến ngày 14/9/2024.

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	340.799.833.333	-
Số tiền vay phát sinh	412.646.663.434	342.954.000.000
Số tiền vay đã trả	(140.126.213.277)	-
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang ngắn hạn	(356.083.784.628)	-
Giảm khác	-	(2.154.166.667)
Số cuối năm	257.236.498.862	340.799.833.333

25. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.453.016.602	4.184.566.602
Trích quỹ trong năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Thu quỹ phòng chống thiên tai	9.963.374	-
Sử dụng quỹ	(742.736.707)	(731.550.000)
Cộng	4.720.243.269	4.453.016.602

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

26. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.989.698.016	2.427.490.016
Cộng	<u>1.989.698.016</u>	<u>2.427.490.016</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

27. Vốn chủ sở hữu**(a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ khác của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	131.461.105.148	-	438.946.105.148
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	44.712.467.421	-	44.712.467.421
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	175.173.572.569	-	482.658.572.569
	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ khác của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm nay	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	175.173.572.569	-	482.658.572.569
Lợi nhuận trong năm nay (*)	-	-	-	(234.162.606.334)	1.179.847.364	-232.982.758.970
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	(10.747.675.653)	54.085.172.244	43.337.496.591
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	(1.000.000.000)	-	-1.000.000.000
Số dư cuối năm nay	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	(70.736.709.418)	55.265.019.608	292.013.310.190

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 254/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Nhóm Công ty đã thống nhất không thực hiện phân phối lợi nhuận cho năm 2022 do kinh doanh của Nhóm Công ty không có lợi nhuận; đồng thời không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020, 2021 mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 và 2022 đã thông qua.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(**) Trích lập quỹ phúc lợi năm 2022 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/3/2022: 1.000.000.000 VND.

Vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Công ty cổ phần Louis Holdings	-	-	23%	41.859.500.000
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	-	28%	51.265.500.000
Các cổ đông khác	100%	182.000.000.000	49%	88.875.000.000
Cộng	100%	182.000.000.000	100%	182.000.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	182.000.000.000	182.000.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(c) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	18.200.000	18.200.000
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	18.200.000	18.200.000
▪ Cổ phiếu thường	18.200.000	18.200.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
▪ Cổ phiếu thường	18.200.000	18.200.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**28.1. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	8.768,92	2.325.080,00

28.2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh VIII.4

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng nông sản	2.721.940.114.010	3.297.975.021.714
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	613.603.499.099	455.892.449.141
Doanh thu dịch vụ nông nghiệp	1.038.834.378	-
Doanh thu khác	95.995.027.280	177.982.150.672
Cộng	3.432.577.474.767	3.931.849.621.527

Các khoản giảm trừ

Chiết khấu thương mại	(607.520.923)	(6.577.168.921)
Hàng bán bị trả lại	(2.120.809.013)	-
Cộng	(2.728.329.936)	(6.577.168.921)

Doanh thu thuần

Doanh thu thuần bán hàng nông sản	2.719.211.784.074	3.291.397.852.793
Doanh thu thuần bán xe gắn máy và phụ tùng	613.603.499.099	455.460.573.317
Doanh thu dịch vụ nông nghiệp	1.038.834.378	-
Doanh thu thuần khác	95.995.027.280	177.982.150.672
Cộng	3.429.849.144.831	3.924.840.576.782

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng nông sản	2.623.524.040.130	3.129.952.579.379
Giá vốn hàng xe gắn máy và phụ tùng	545.934.979.744	412.059.725.447
Doanh thu dịch vụ nông nghiệp	402.115.036	-
Giá vốn khác	80.439.649.996	148.574.869.646
Cộng	3.250.300.784.906	3.690.587.174.472

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.926.593.939	3.803.399.839
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.796.867.815	9.652.182.864
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	3.207.665.690	-
Lãi thuần từ việc chuyển nhượng, hợp nhất công ty con	19.311.511.058	32.660.067.965
Lãi đầu tư hoạt động tài chính khác	28.116.557.830	1.042.311.131
Cộng	75.359.196.332	47.157.961.799

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi tiền vay	94.122.569.414	20.999.725.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.407.461.597	3.846.287.979
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	2.458.473.983
Chi phí đầu tư tài chính	38.961.667.337	-
Chi phí do các hoạt động tài chính khác	1.687.923.771	-
Cộng	163.179.622.119	27.304.487.510

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	15.624.609.270	25.043.091.057
Chi phí vật liệu, bao bì	50.870.781.661	35.398.471.813
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	591.133.287	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.787.641.892	256.434.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.815.673.741	109.952.508.121
Chi phí bằng tiền khác	11.720.872.529	5.520.391.539
Cộng	200.410.712.380	176.170.896.878

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	19.022.603.496	16.728.506.065
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.862.522.039	2.816.747.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.356.950.491	1.669.311.461
Thuế, phí và lệ phí	2.559.207.514	-
Chi phí dự phòng	105.362.560.474	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	491.064.386	3.611.712.326
Chi phí bằng tiền khác	9.172.753.057	11.409.416.824
Cộng	141.827.661.457	36.235.694.251

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập nhượng bán, thanh lý TSCĐ	13.965.406.583	12.419.128.135
Thu nhập khác	2.250.453.778	3.516.121.336
Cộng	16.215.860.361	15.935.249.471

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	1.291.073.925	598.189.736
Cộng	1.291.073.925	598.189.736

9. Lãi trên cổ phiếu**9.1. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	(234.162.606.334)	44.712.467.421
- Trừ Quỹ khen thưởng – phúc lợi	-	(1.000.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(234.162.606.334)	43.712.467.421
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	(12.866)	2.402

9.2. Thông tin khác

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	1.097.123.203.599	1.584.126.283.444
- Chi phí nhân công	59.652.566.332	54.832.974.483
- Chi phí khấu hao TSCĐ	15.023.720.826	16.251.752.683
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.534.298.568	143.439.699.671
- Chi phí khác bằng tiền	61.297.903.453	43.900.900.757
Cộng	1.352.631.692.778	1.842.551.611.038

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn bằng khoản vay ngắn hạn	-	81.789.150.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Công nợ tiềm tàng

Chi phí hoàn nguyên liên quan đến đất thuê

Nhóm Công ty có các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện đầy đủ việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Đa số các hợp đồng không có quy định rõ ràng về nghĩa vụ hoàn nguyên khu đất thuê. Ban Tổng Giám đốc đánh giá là Nhóm Công ty có thể có các nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Nhóm Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không nêu rõ điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Nhóm Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng như không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Quách Tất Liệt (*)	-	18.760.000.000
Cộng	-	18.760.000.000

(*) Số dư thể hiện khoản tạm ứng để thực hiện công việc kinh doanh của Nhóm Công ty và đã được hoàn ứng trong tháng 01 năm 2022. Tại thời điểm nhận tạm ứng, cá nhân này chưa phải là bên liên quan của Nhóm Công ty.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thù lao thành viên Hội đồng Chức danh quản trị		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch	-	350.000.000
Lê Huỳnh Gia Hoàng	Chủ tịch	-	119.000.000
Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch	335.000.000	335.000.000
Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch	211.000.000	
Nguyễn Minh Tân	Chủ tịch	-	40.000.000
Cao Thị Phi Hoàng	Chủ tịch	-	40.000.000
Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	-	40.000.000
Lê Văn Huy	Thành viên	60.000.000	90.000.000
Trịnh Văn Bảo	Thành viên	54.000.000	50.000.000
Đặng Doãn Kiên	Thành viên	50.000.000	50.000.000
Nguyễn Lê Văn	Thành viên	50.000.000	50.000.000
Tổng thu nhập		760.000.000	1.164.000.000

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và nhân sự quản lý khác	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	1.538.422.300	854.589.001
Võ Thanh Bảo	Tổng Giám đốc	253.226.800	258.628.572
Vũ Tiến Hùng	Tổng Giám đốc	-	318.609.570
Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc	-	566.700.000
Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	909.521.255	351.746.001
Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám đốc	787.936.944	-
Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	280.500.000	-
Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	233.241.486	-
Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	58.350.900	697.640.250
Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	706.104.823	514.618.784
Tổng thu nhập		4.767.304.508	3.562.532.178

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thù lao của Ban kiểm soát	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	40.000.000	40.000.000
Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	25.000.000	25.000.000
Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	25.000.000	25.000.000
Tổng thu nhập		90.000.000	90.000.000

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan khác	Quan hệ
- Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	Công ty liên kết
- Công ty CP Golden Paddy	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex	Công ty liên kết
- Công ty CP Louis Capital (*)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn

(*) Không còn là các bên liên quan tại thời điểm 31/12/2022 do Louis Holding đã thoái vốn trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2022 đến ngày 26/8/2022.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	22.445.360.350	121.051.868.800
Cộng	22.445.360.350	121.051.868.800
Mua hàng hóa và dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	74.857.562.147	11.460.996.200
Cộng	74.857.562.147	11.460.996.200
Góp vốn	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	9.800.000.000	32.500.000.000
Cộng	9.800.000.000	32.500.000.000
Chuyển nhượng vốn góp	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	32.300.000.000	83.300.000.000
Cộng	32.300.000.000	83.300.000.000
Lợi nhuận được chia	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	1.088.026.603	2.234.076.432
Cộng	1.088.026.603	2.234.076.432

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho vay	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	-	114.060.000.000
Cộng	-	114.060.000.000
Thu hồi cho vay	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	-	110.460.000.000
Cộng	-	110.460.000.000
<i>Số dư với các bên liên quan khác</i>		
Phải thu ngắn hạn khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh, liên kết	8.084.922.850	9.087.849.371
Cộng	8.084.922.850	9.087.849.371
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh, liên kết	-	1.049.190.000
Cộng	-	1.049.190.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh, liên kết	-	12.800.000.000
Cộng	-	12.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh, liên kết	-	530.161.644
Bên liên quan khác	-	64.800.000.000
Cộng	-	65.330.161.644

3. Thông tin về bộ phận

Ban Giám đốc của Nhóm Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Nhóm Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Nhóm Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Nhóm Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Năm 2022

	Doanh thu bán hàng nông sản	Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	2.719.211.784.074	613.603.499.099	97.033.861.658	3.429.849.144.831
Giá vốn hàng bán	2.623.524.040.130	(545.934.979.744)	(80.841.765.032)	(3.250.300.784.906)
Lợi nhuận gộp	95.687.743.944	67.668.519.355	16.192.096.626	179.548.359.925

Năm 2021

	Doanh thu bán hàng nông sản	Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	3.291.397.852.793	455.460.573.317	177.982.150.672	3.924.840.576.782
Giá vốn hàng bán	(3.129.952.579.379)	(412.059.725.447)	(148.574.869.646)	(3.690.587.174.472)
Lợi nhuận gộp	161.445.273.414	43.400.847.870	29.407.281.026	234.253.402.310

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Khu vực địa lý****Năm 2022**

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.662.556.725.154	1.767.292.419.677	3.429.849.144.831
Giá vốn hàng bán	(1.543.815.027.929)	(1.706.485.756.977)	(3.250.300.784.906)
Lợi nhuận gộp	118.741.697.225	60.806.662.700	179.548.359.925

Năm 2021

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	2.801.744.941.976	1.123.095.634.806	3.924.840.576.782
Giá vốn hàng bán	(2.590.160.734.676)	(1.100.426.439.796)	(3.690.587.174.472)
Lợi nhuận gộp	211.584.207.300	22.669.195.010	234.253.402.310

4. Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.148.605.425	2.957.848.428
Từ 1 đến 5 năm	7.307.921.700	6.978.243.712
Trên 5 năm	26.436.735.150	18.604.873.508
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	35.893.262.275	28.540.965.648

5. Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	-	54.034.835.805
Từ 1 đến 5 năm	-	34.939.343.220
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	-	88.974.179.025

6. Cam kết góp vốn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	-	350.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	-	9.800.000.000
Cty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	24.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kỳ Nguyên Xanh Angimex	20.000.000.000	-
Tổng cộng các khoản góp vốn tối thiểu	44.600.000.000	359.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm 31/12/2022, Nhóm Công ty đã có số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính hợp nhất là 70.736.709.418 VND. Khoản lỗ này đã làm cho vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ) tại ngày 31/12/2022 của Nhóm Công ty bị giảm xuống còn 111.263.290.582 VND, tương đương 61,13% vốn góp của chủ sở hữu.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2022, Nhóm Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 244.912.488.818 VND (Tại ngày 01/01/2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn thấp hơn tài sản ngắn hạn là 271.909.762.031 VND), điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty và có thể sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty trong tương lai.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 18 tháng 1 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp của Nhóm Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Công ty con). Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo Hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty có kế hoạch thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết để tái cấu trúc hoạt động của Nhóm Công ty, giảm khó khăn về nguồn vốn, chi phí lãi vay, giảm lỗ trong thời gian tới.


Cao Phước Qui
Người lập


Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng


Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: HKG./XNK-TCKT
(V/v Giải trình lợi nhuận năm 2022 đã kiểm
toán so với lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán –
Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán)

An Giang, ngày 25 tháng 08 năm 2023

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 như sau:

I. Giải trình Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Trong năm 2022, doanh thu trên BCTC của Angimex giảm 62.699 triệu đồng, tương ứng giảm 2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên chi phí bán hàng, logistic lại tăng mạnh làm ảnh hưởng đến hiệu quả công ty. Đồng thời, công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán 38.565 triệu đồng, trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 43.429 triệu đồng và chi phí tài chính tăng 267.578 triệu đồng (chủ yếu do chi phí lãi vay tăng và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác). Đây là những nguyên nhân chủ yếu làm kết quả kinh doanh năm 2022 lỗ.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, các khoản trích lập dự phòng: dự phòng giảm giá chứng khoán, dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và chi phí tài chính tăng là nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế lỗ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC HN			
	2022	2021	Chênh lệch	%	2022	2021	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ	2.816.021	2.878.720	-62.699	-2%	3.429.849	3.924.841	-494.991	-13%
Giá vốn hàng bán	2.675.451	2.763.926	-88.474	-3%	3.250.301	3.690.587	-440.286	-12%
Lợi nhuận gộp	140.570	114.794	25.775	22%	179.548	234.253	-54.705	-23%
Doanh thu hoạt động tài chính	50.525	52.048	-1.523	-3%	75.359	47.158	28.201	60%
Chi phí tài chính	286.278	18.700	267.578	1431%	163.180	27.304	135.875	498%
Trong đó: chi phí lãi vay	83.991	12.632	71.359	565%	94.123	21.000	73.123	348%
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK	00	00	00	0%	5.126	551	4.575	830%
Chi phí bán hàng	138.153	89.145	49.008	55%	200.411	176.171	24.240	14%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.378	25.207	45.171	179%	141.828	36.236	105.592	291%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-303.714	33.790	-337.505	-999%	-245.384	42.252	-287.636	-681%
Lợi nhuận khác	14.056	1.279	12.777	999%	14.925	15.337	-412	-3%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-289.658	35.069	-324.727	-926%	-230.459	57.589	-288.048	-500%
Thuế TNDN	1.654	6.883	-5.229	-76%	2.523	12.876	-10.353	-80%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-291.312	28.187	-319.499	-1134%	-232.983	44.712	-277.695	-621%

II. Giải trình chênh lệch KQKD năm 2022 trước và sau kiểm toán:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Lợi nhuận năm 2022 chênh lệch trước và sau kiểm toán giảm thêm 180.283 triệu đồng là do:

- Công ty đã trích dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng qui định thông tư 48/2019/TT-BTC. Tuy nhiên, kiểm toán đánh giá mức độ tổn thất cao hơn, nên đã trích thêm các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi và các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác vào kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Trích bổ sung chi phí lãi vay trái phiếu phải trả đến 31.12.2022 theo Nghị quyết Chủ sở hữu trái phiếu sau thời điểm Công ty công bố BCTC tự lập.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, Công ty ghi nhận thêm khoản trích bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi vào chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí lãi vay trái phiếu phải trả đến 31.12.2022 vào chi phí tài chính đã làm kết quả kinh doanh năm 2022 lỗ thêm 93.686 triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng 2022				BCTC HN 2022			
	Trước kiểm toán	Đã kiểm toán	Chênh lệch	%	Trước kiểm toán	Đã kiểm toán	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ	2.840.425	2.816.021	-24.404	-1%	3.454.343	3.429.849	-24.494	-1%
Giá vốn hàng bán	2.699.360	2.675.451	-23.909	-1%	3.269.605	3.250.301	-19.304	-1%
Lợi nhuận gộp	141.065	140.570	-495	0%	184.739	179.548	-5.190	-3%
Doanh thu hoạt động tài chính	50.525	50.525	00	0%	75.359	75.359	00	0%
Chi phí tài chính	131.623	286.278	154.655	117%	142.065	163.180	21.114	15%
Trong đó: chi phí lãi vay	62.876	83.991	21.114	34%	73.008	94.123	21.114	29%
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK	-	-	-	-	9.986	5.126	-4.860	-49%
Chi phí bán hàng	138.153	138.153	00	0%	204.956	200.411	-4.545	-2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.688	70.378	23.690	51%	76.671	141.828	65.157	85%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-124.875	-303.714	-178.839	143%	-153.609	-245.384	-91.776	60%
Lợi nhuận khác	14.056	14.056	00	0%	15.392	14.925	-467	-3%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-110.818	-289.658	-178.839	161%	-138.217	-230.459	-92.243	67%
Thuế TNDN	211	1.654	1.443	685%	1.080	2.523	1.443	134%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-111.029	-291.312	-180.283	162%	-139.296	-232.983	-93.686	67%

Kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH THANH TÙNG



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**Báo cáo tài chính riêng
đã kiểm toán**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. THÔNG TIN CHUNG	1 - 3
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
4. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	7 - 8
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG	9
6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 53

8.577
HINH
NG T
TÉM T
AO V
YG-TT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
THÔNG TIN CHUNG

1. Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là “AGM” theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

2. Hoạt động chính

- Xây xát thóc lúa;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

4. Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Tiến Thịnh	Chủ tịch	29/12/2022	-
Ông Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch	22/7/2021	19/4/2022
Ông Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch	19/4/2022	28/6/2022
Ông Nghiêm Hải Anh	Chủ tịch	28/6/2022	29/12/2022
Ông Vũ Ngọc Long	Phó Chủ tịch	28/6/2022	29/12/2022
Ông Hồ Đăng Dân	Thành viên	28/6/2022	29/6/2023
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	28/6/2022	-
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên	29/12/2022	-
Ông Nguyễn Đồng Giang	Thành viên	29/12/2022	29/6/2023
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	29/6/2023	-
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh	Thành viên	29/6/2023	-
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Ông Lê Văn Huy	Thành viên	12/6/2020	15/3/2022
Ông Trần Ngọc Thạch	Thành viên	15/3/2022	28/6/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
THÔNG TIN CHUNG

5. Ban kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lâm Trường	Trưởng ban	28/6/2022	29/6/2023
Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	22/7/2021	28/6/2022
Ông Dương Thanh Bình	Thành viên	28/6/2022	29/6/2023
Ông Huỳnh Minh Phương	Thành viên	29/12/2022	29/6/2023
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Ông Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Bà Huỳnh Thị Kim Oanh	Thành viên	28/6/2022	29/12/2022

6. Ủy ban kiểm toán

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Võ Kim Nguyên	Chủ tịch	06/7/2023	-
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	06/7/2023	-

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 124/BB-DHĐCĐ ngày 29/6/2023, Công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị thay thế hoạt động cho Ban kiểm soát được bãi nhiệm ngày 29/6/2023.

7. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	04/3/2022	-
Ông Võ Thanh Bào	Tổng Giám đốc	20/9/2021	04/3/2022
Ông Bùi Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	22/3/2021	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc	17/3/2023	-
Bà Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	31/10/2022	17/3/2023
Ông Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	23/6/2021	03/7/2023
Ông Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	03/7/2023
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Giám đốc tài chính	13/01/2022	17/3/2023
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	22/6/2017	-

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
THÔNG TIN CHUNG

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

HUỲNH THANH TÙNG
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang (“Công ty”) trình bày bản Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt các Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Thủy mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023



Số: 08.23.22/2023/BCKT/SV – CNI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 8 năm 2023 từ trang 7 đến trang 53 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.7 của Báo cáo tài chính riêng cho thấy Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 178.173.849.284 VND, và cũng tại ngày này nợ phải trả ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 496.243.017.169 VND, trong đó một phần do bao gồm khoản huy động trái phiếu chuyển từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn là 350.000.000.000 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn thấp hơn tài sản ngắn hạn là 67.968.085.701 VND), và thanh khoản trái phiếu ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Giá định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty có thể thanh toán hoặc tái cấu trúc lại các khoản nợ vay và trái phiếu sắp đáo hạn, cũng như thực hiện các giải pháp khác để tạo ra dòng tiền để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty như đã được trình bày tại Thuyết minh VIII.8. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VIII.7 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 18 tháng 02 năm 2022.



Đặng Thị Thiên Nga

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2023-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Trần Phương Yên

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2021-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		470.601.546.241	1.091.556.861.243
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>3.951.452.553</i>	<i>228.425.294.646</i>
1. Tiền	111		3.951.452.553	183.425.294.646
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	45.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>62.340.000.000</i>	<i>58.500.000.000</i>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	62.505.203.375	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2	(38.565.203.375)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	38.400.000.000	58.500.000.000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>353.129.099.437</i>	<i>666.547.187.909</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	71.274.227.366	289.604.207.549
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	245.196.027.442	209.990.927.925
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	1.700.000.000	12.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7	78.387.460.569	156.053.678.053
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(43.428.615.940)	(1.901.625.618)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.9</i>	<i>34.913.329.209</i>	<i>126.027.127.032</i>
1. Hàng tồn kho	141		34.913.329.209	129.254.167.886
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.227.040.854)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>16.267.665.042</i>	<i>12.057.251.656</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	690.942.020	335.021.542
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.576.723.022	11.537.595.586
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.21	-	184.634.528
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		884.291.964.763	697.858.969.452
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>2.532.247.406</i>	<i>1.834.247.406</i>
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	2.532.247.406	1.834.247.406
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>274.401.327.546</i>	<i>270.645.623.836</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	57.610.269.608	192.918.702.396
- Nguyên giá	222		243.257.462.086	392.061.698.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(185.647.192.478)	(199.142.995.874)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	88.405.663.692	-
- Nguyên giá	225		90.792.387.627	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.386.723.935)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	128.385.394.246	77.726.921.440
- Nguyên giá	228		133.070.096.556	80.963.961.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.684.702.310)	(3.237.040.141)
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>1.094.964.143</i>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.094.964.143
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>600.553.596.248</i>	<i>417.440.298.000</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	677.342.694.927	195.200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	56.751.148.000	95.951.148.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	19.950.000	126.289.150.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.17	(133.560.196.679)	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>6.804.793.563</i>	<i>6.843.836.067</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	6.804.793.563	5.926.391.212
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	-	917.444.855
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.354.893.511.004	1.789.415.830.695

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.225.582.360.288	1.367.792.480.709
I. Nợ ngắn hạn	310		966.844.563.410	1.023.588.775.542
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.19	114.854.047.191	19.907.767.873
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	19.467.158.051	140.958.105.796
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	989.343.233	6.039.377.358
4. Phải trả người lao động	314		1.538.682.170	1.976.338.391
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	24.717.522.244	7.846.481.875
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	4.664.492.083	4.591.640.451
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	795.893.181.836	837.816.047.196
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	4.720.136.602	4.453.016.602
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		258.737.796.878	344.203.705.167
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	668.200.000	976.381.818
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24	256.079.898.862	340.799.833.333
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26	1.989.698.016	2.427.490.016
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129.311.150.716	421.623.349.986
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.27	129.311.150.716	421.623.349.986
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		120.464.000.000	120.464.000.000
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.021.000.000	5.021.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(178.173.849.284)	114.138.349.986
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		113.138.349.986	85.951.785.049
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(291.312.199.270)	28.186.564.937
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.354.893.511.004	1.789.415.830.695

Cao Phước Qui
Người lậpTrần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởngHuỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám Đốc
An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	2.816.079.003.964	2.884.281.290.183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	57.760.561	5.561.289.773
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VL1	2.816.021.243.403	2.878.720.000.410
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	2.675.451.441.766	2.763.925.559.456
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		140.569.801.637	114.794.440.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	50.525.249.382	52.047.920.822
7. Chi phí tài chính	22	VL4	286.278.059.068	18.700.344.006
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83.990.728.135	12.632.017.746
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	138.153.398.274	89.144.919.273
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	70.377.920.568	25.206.810.424
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(303.714.326.891)	33.790.288.073
11. Thu nhập khác	31	VL7	14.825.600.614	1.689.502.640
12. Chi phí khác	32	VL8	769.186.234	410.387.643
13. Lợi nhuận khác	40		14.056.414.380	1.279.114.997
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(289.657.912.511)	35.069.403.070
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	736.841.904	6.773.825.639
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.18	917.444.855	109.012.494
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(291.312.199.270)	28.186.564.937
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-


Cao Phước Qui
Người lập

Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởngHuỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(289.657.912.511)	35.069.403.070
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	16.393.198.749	14.506.501.472
- Các khoản dự phòng	03	210.425.349.522	2.315.565.286
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.207.665.690)	2.458.473.983
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37.655.436.245)	(42.185.059.729)
- Chi phí lãi vay	06	83.990.728.135	12.632.017.746
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	(19.711.738.040)	24.796.901.828
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	433.468.235.788	(596.183.522.699)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	94.340.838.677	(128.935.430.946)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN)	11	(42.095.987.767)	166.810.000.548
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.234.322.829)	509.834.909
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(62.505.203.375)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(64.384.552.545)	(10.808.015.024)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.732.026.679)	(4.408.924.444)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(731.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	332.145.243.230	(548.950.705.828)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(168.454.688.648)	(199.344.877.348)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	62.141.877.544	189.837.229
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(102.880.000.000)	(143.030.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	93.880.000.000	246.330.106.426
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(315.200.000.000)	(78.962.996.693)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	19.180.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.676.238.556	5.959.436.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(426.836.572.548)	(149.678.493.557)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ di vay	33	2.417.802.164.065	2.514.579.712.586
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.513.914.672.425)	(1.689.488.315.390)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(33.669.773.533)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(129.782.281.893)	825.091.397.196
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(224.473.611.211)	126.462.197.811
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	228.425.294.646	102.145.552.300
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(230.882)	(182.455.465)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		3.951.452.553	228.425.294.646

Cao Phước Qui
Người lậpTrần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là “AGM” theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 182.000.000.000 VND bao gồm 18.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

2. Hoạt động chính

- Xay sát thóc lúa;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty con sau:

TT	Công ty con	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính	Trụ sở chính
1.	Công ty TNHH Lương thực Angimex	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Long Xuyên, An Giang
2.	Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông thôn Đồng Tháp	100,00	100,00	Sản xuất phân bón	Cao Lãnh, Đồng Tháp
3.	Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Tri Tôn, An Giang
4.	Công ty TNHH Angimex Furious	70,00	70,00	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và dịch vụ sửa chữa	Long Xuyên, An Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nông nghiệp Công nghệ cao Angimex	100,00	100,00	Hoạt động dịch vụ nông nghiệp	Thoại Sơn, An Giang
6.	Công ty TNHH MTV Thu mua Lương thực Angimex (*)	100,00	100,00	Mua bán lương thực	Thoại Sơn, An Giang
7.	Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh (*)	100,00	100,000	Sản xuất các sản phẩm từ trấu	Cao Lãnh, Đồng Tháp
8.	Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex)	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Thoại Sơn, An Giang

(*) Thực tế, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa góp vốn vào các Công ty con này. Riêng Công ty TNHH thu mua lương thực Angimex, Công ty đã làm thủ tục giải thể, đóng mã số thuế vào ngày 29 tháng 03 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

TT	Công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính	Trụ sở chính
1.	Công ty TNHH Angimex - Kitoku	32,96	32,96	Xuất nhập khẩu gạo	Long Xuyên, An Giang
2.	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	25,00	25,00	Kinh doanh siêu thị	Long Xuyên, An Giang
3.	Công ty CP Golden Paddy	29,55	29,55	Sản xuất và kinh doanh lương thực	Châu Thành, An Giang
4.	Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	49,00	49,00	Kinh doanh lương thực	TP.Hồ Chí Minh

Chi nhánh trực thuộc Công ty

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đặt tại tầng 4, số 353 – 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động của Chi nhánh: kinh doanh lương thực.

5. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 117 nhân viên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 130 nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Mục đích lập Báo cáo tài chính riêng

Công ty lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các Công ty con là những Công ty mà Nhóm Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ;
- Dự phòng phải trả dài hạn

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ kế toán. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Dầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Dầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Dầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

7. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

10. Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên, nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 01 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Chương trình phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

13. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

14. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

17. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán riêng này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

19. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

20. Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua.

Lợi nhuận sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Công ty trích lập các quỹ sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất kinh doanh để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, nâng cao phúc lợi cho nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

21. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập lãi

Tiền lãi ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Thu nhập lãi khác được ghi nhận khi được hưởng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

22. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của Bảng cân đối kế toán riêng nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

24. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ mua bán chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

25. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

27. Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

28. Bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh, liên kết là các bên liên quan. Các bên liên doanh, liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên doanh, liên kết này hoặc những công ty liên doanh, liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

29. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	41.889.070	1.017.855.372
Tiền gửi ngân hàng	3.909.563.483	182.407.439.274
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	45.000.000.000
Cộng	3.951.452.553	228.425.294.646

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Tư vấn thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	62.505.203.375	23.940.000.000	(38.565.203.375)	-	-	-
Cộng	62.505.203.375	23.940.000.000	(38.565.203.375)	-	-	-

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	38.400.000.000	38.400.000.000	58.500.000.000	58.500.000.000
Cộng	38.400.000.000	38.400.000.000	58.500.000.000	58.500.000.000

(*) Số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,4%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	9.087.849.371	-
Bên thứ ba	71.274.227.366	(17.877.461.340)	280.516.358.178	(1.716.781.618)
- Moi International	-	-	52.658.239.028	-
- Cty TNHH Lương thực Khánh Hân	-	-	31.573.350.400	-
- Công ty TNHH XNK Lương thực C&N	-	-	29.916.504.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Helen	-	-	31.008.782.000	-
- Công ty Cổ Phần Golden Paddy SG	23.054.500.000	(16.138.150.000)	-	-
- Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đông Nam Bộ	21.174.500.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dũng Kỳ	19.924.000.000	-	-	-
- Khách hàng khác	7.121.227.366	(1.739.311.340)	135.359.482.750	(1.716.781.618)
Cộng	71.274.227.366	(17.877.461.340)	289.604.207.549	(1.716.781.618)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 24.797.403.240 VND và 1.913.330.240 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	1.049.190.000	-
Bên thứ ba	245.196.027.442	(25.318.573.000)	208.941.737.925	-
Huỳnh Thị Thúy Vy (*)	179.240.016.890	-	105.700.000.000	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Kiên Giang	-	-	40.400.000.000	-
Công ty TNHH Tân Kỳ	8.100.000.000	-	22.570.000.000	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	36.169.390.000	(25.318.573.000)	-	-
Các nhà cung cấp khác	21.686.620.552	-	40.271.737.925	(184.844.000)
Cộng	245.196.027.442	(25.318.573.000)	209.990.927.925	(184.844.000)

(*) Công ty đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng khác với Bà Huỳnh Thị Thúy Vy đối với 6 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 01/2021/HĐDC ký ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐDC/PL01 ký ngày 21 tháng 7 năm 2022.

Nhà máy Hoàng Long tại Đồng Tháp đặt tại Ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đều liên quan đến 6 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên và đang được Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sang tên cho Công ty theo Công văn số 531/STNMT-QLDD ngày 14/02/2023 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 36.169.390.000 VND và 184.844.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	12.800.000.000	-
Bên thứ ba	1.700.000.000	-	-	-
Công ty TNHH SXTM Lê Phúc Khang	1.700.000.000	-	-	-
Cộng	1.700.000.000	-	12.800.000.000	-

Số dư thể hiện các khoản cho vay có thời hạn dưới 12 tháng, với lãi suất 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Phải thu khác**7.1. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
<i>Bên liên quan</i>	69.887.110.600	-	137.620.348.670	-
<i>Bên thứ ba</i>	8.500.349.969	-	18.433.329.383	-
- Tạm ứng hợp đồng đi thuê tài chính	1.500.000.000	-	14.282.333.675	-
- Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản thuê tài chính chờ ghi nhận	1.427.293.879	-	-	-
- Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	-	-	2.720.000.000	-
- Lãi tiền gửi	719.852.054	-	1.038.017.808	-
- Tạm ứng	4.483.530.745	-	341.592.609	-
- Phải thu ngắn hạn khác	369.673.291	(232.581.600)	51.385.291	-
Cộng	78.387.460.569	(232.581.600)	156.053.678.053	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán là 318.288.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

7.2. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Bên thứ ba</i>	2.532.247.406	-	1.834.247.406	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.532.247.406	-	1.834.247.406	-
Cộng	2.532.247.406	-	1.834.247.406	-

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2022 như sau:

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	Từ 1 đến 3 năm	24.797.403.240	(17.877.461.340)	6.919.941.900
Trả trước cho người bán ngắn	Dưới 1 năm	36.169.390.000	(25.318.573.000)	10.850.817.000
Phải thu ngắn hạn khác	Từ 1 đến 3 năm	318.288.000	(232.581.600)	85.706.400
Cộng		61.285.081.240	(43.428.615.940)	17.856.465.300

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2021 như sau:

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	Từ 1 đến 3 năm	2.098.174.240	(1.901.625.618)	196.548.622
Cộng		2.098.174.240	(1.901.625.618)	196.548.622

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(1.901.625.618)	(1.686.584.746)
Trích lập dự phòng bổ sung	(41.526.990.322)	(215.040.872)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(43.428.615.940)	(1.901.625.618)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	510.712.756	-	6.487.491.607	-
Công cụ dụng cụ	7.870.654.277	-	6.261.850.867	-
Sản phẩm dở dang	-	-	2.031.935.198	-
Thành phẩm	8.603.876.431	-	44.703.767.439	(2.650.929.489)
Hàng hóa	17.928.085.745	-	69.769.122.775	(576.111.365)
Cộng	34.913.329.209	-	129.254.167.886	(3.227.040.854)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần hàng tồn kho của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(3.227.040.854)	(318.736.940)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(2.908.303.914)
Hoàn nhập dự phòng	3.227.040.854	-
Số cuối năm	-	(3.227.040.854)

10. Chi phí trả trước**10.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	54.472.539	263.569.714
Khác	636.469.481	71.451.828
Cộng	690.942.020	335.021.542

10.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí san lấp mặt bằng	2.945.263.256	3.093.367.111
Công cụ và dụng cụ	153.963.677	523.644.542
Khác	3.705.566.630	2.309.379.559
Cộng	6.804.793.563	5.926.391.212

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	135.571.600.878	237.041.075.218	13.129.314.853	6.319.707.321	392.061.698.270
Mua trong kỳ	1.983.146.364	49.658.100.627	1.054.318.182	5.209.123.475	57.904.688.648
Đầu tư XDCB hoàn Thành	430.459.000	-	-	-	430.459.000
Góp vốn	(32.048.745.988)	(99.041.356.150)	-	(3.835.118.478)	(134.925.220.616)
Thanh lý, nhượng bán	(3.805.760.601)	(64.520.311.706)	(3.571.590.909)	(316.500.000)	(72.214.163.216)
Phân loại lại	-	(3.807.527.977)	(42.088.728)	3.849.616.705	-
Số cuối năm	102.130.699.653	119.329.980.012	10.569.953.398	11.226.829.023	243.257.462.086
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	74.802.436.420	107.786.102.334	10.872.349.850	5.682.107.270	199.142.995.874
Khấu hao trong kỳ	3.705.597.721	7.546.091.811	585.682.055	717.867.338	12.555.238.925
Góp vốn	(84.448.975)	(919.751.729)	-	(37.114.050)	(1.041.314.754)
Thanh lý, nhượng bán	(13.688.716.521)	(9.585.641.110)	(1.418.869.936)	(316.500.000)	(25.009.727.567)
Phân loại lại	-	-	(37.468.796)	37.468.796	-
Số cuối năm	64.734.868.645	104.826.801.306	10.001.693.173	6.083.829.354	185.647.192.478
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	60.769.164.458	129.254.972.884	2.256.965.003	637.600.051	192.918.702.396
Số cuối năm	37.395.831.008	14.503.178.706	568.260.225	5.142.999.669	57.610.269.608

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 125.405.536.509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 119.535.046.514 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần máy móc thiết bị của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Số đầu năm	-	-
Thuê tài chính trong năm	90.792.387.627	90.792.387.627
Số cuối năm	90.792.387.627	90.792.387.627
Hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	2.386.723.935	2.386.723.935
Số cuối năm	2.386.723.935	2.386.723.935
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	88.405.663.692	88.405.663.692

Số dư thể hiện máy móc thiết bị thuê tài chính được thuê từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hợp đồng cho thuê có thời hạn là 60 tháng với lãi suất thay đổi theo từng giai đoạn. Công ty được quyền mua lại tài sản thuê tài chính này sau khi hợp đồng cho thuê kết thúc với giá bán lại được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê.

13. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	80.006.463.581	957.498.000	80.963.961.581
Mua trong năm	110.350.000.000	-	110.350.000.000
Góp vốn	(58.112.362.785)	-	(58.112.362.785)
Thanh lý, nhượng bán	(131.502.240)	-	(131.502.240)
Số cuối năm	132.112.598.556	957.498.000	133.070.096.556
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	2.761.741.658	475.298.483	3.237.040.141
Khấu hao trong năm	1.312.011.289	139.224.600	1.451.235.889
Góp vốn	(3.573.720)	-	(3.573.720)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	4.070.179.227	614.523.083	4.684.702.310
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	77.244.721.923	482.199.517	77.726.921.440
Số cuối năm	128.042.419.329	342.974.917	128.385.394.246

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 261.375.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, một phần quyền sử dụng đất của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và trái phiếu (Thuyết minh V.24).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp - DASCO	15.200.000.000	-	15.200.000.000	-
Công ty TNHH Lương thực Angimex	80.000.000.000	(20.752.093.304)	180.000.000.000	-
Công ty TNHH Angimex Furious	84.750.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	491.992.694.927	(93.161.560.826)	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	5.400.000.000	(1.100.088.883)	-	-
Cộng	677.342.694.927	(115.013.743.013)	195.200.000.000	-

Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty con

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Tỷ lệ (%)	Giá gốc	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp - DASCO	15.200.000.000	100%	15.200.000.000	100%
Công ty TNHH Lương thực Angimex	80.000.000.000	100%	180.000.000.000	100%
Công ty TNHH Angimex Furious	84.750.000.000	70%	-	-
Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	491.992.694.927	100%	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	5.400.000.000	100%	-	-
Cộng	677.342.694.927	-	195.200.000.000	-

15. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cty TNHH Angimex - Kitoku	2.951.148.000	-	2.951.148.000	-
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	11.500.000.000	-	11.500.000.000	-
Cty CP Golden Paddy	32.500.000.000	(18.106.962.243)	32.500.000.000	-
Cty TNHH Angimex Furious	-	-	49.000.000.000	-
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex	9.800.000.000	(419.541.423)	-	-
Cộng	56.751.148.000	(18.526.503.666)	95.951.148.000	-

Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Tỷ lệ (%)	Giá gốc	Tỷ lệ (%)
Cty TNHH Angimex - Kitoku	2.951.148.000	32,96%	2.951.148.000	32,96%
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	11.500.000.000	25,00%	11.500.000.000	25,00%
Cty CP Golden Paddy	32.500.000.000	29,55%	32.500.000.000	29,55%
Cty TNHH Angimex Furious	-	-	49.000.000.000	49,00%
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex	9.800.000.000	49,00%	-	-
Cộng	56.751.148.000	-	95.951.148.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DAP Vinachem	-	-	126.289.150.000	-
Đơn vị khác	19.950.000	(19.950.000)	-	-
Cộng	19.950.000	(19.950.000)	126.289.150.000	-

Trong năm 2022, Công ty đã nhượng bán toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP DAP Vinachem và ghi nhận khoản lãi từ hoạt động đầu tư này vào doanh thu tài chính số tiền 22.062.617.375 VND.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư vào Công ty con	(115.013.743.013)	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	(18.526.503.666)	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(19.950.000)	-
Cộng	(133.560.196.679)	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(133.540.246.679)	-
Điều chỉnh cho năm trước	(19.950.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	133.560.196.679	-

18. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	-	485.498.003
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	-	431.946.852
Cộng	-	917.444.855

Biến động về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	917.444.855	1.026.457.349
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(917.444.855)	(109.012.494)
Số dư cuối năm	-	917.444.855

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	485.498.003
Khác	-	431.946.852
Cộng	-	917.444.855

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại năm 2021 là 15% và 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Tại thời điểm 31/12/2022, tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản chênh lệch tạm thời như lãi vay trong giao dịch liên kết không được trừ trong năm nay, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo kế toán ... vì Công ty ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	108.834.655.205	-
Bên thứ ba	6.019.391.986	19.907.767.873
- Cty TNHH MTV Kho Vận Wings Global	782.832.255	6.802.212.229
- Cty TNHH Phạm Trí Nguyễn	-	3.274.166.519
- Cty TNHH vận chuyển Thuận Phong	186.604.920	2.099.409.255
- Cty CP Tiếp vận Phước Tạo	117.080.856	1.919.509.998
- Khác	4.932.873.955	5.812.469.872
Cộng	114.854.047.191	19.907.767.873

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	8.930.880.721	125.630.540.020
Bên thứ ba	10.536.277.330	15.327.565.776
- Isaj Sea Transport Corporation	6.878.690.854	-
- Khác	3.657.586.476	15.327.565.776
Cộng	19.467.158.051	140.958.105.796

21. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế TNDN	-	5.732.026.679	736.841.904	(5.732.026.679)	-	736.841.904
- Thuế TNCN	-	307.350.679	1.441.084.121	(1.495.933.471)	-	252.501.329
- Thuế nhà đất	184.634.528	-	1.391.402.197	(1.206.767.669)	-	-
- Thuế khác	-	-	803.261.860	(803.261.860)	-	-
Cộng	184.634.528	6.039.377.358	4.372.590.082	(9.237.989.679)	-	989.343.233

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2022 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Chi phí thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(289.657.912.511)	35.069.403.070
- Các khoản điều chỉnh tăng	96.906.123.454	1.821.631.058
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.594.002.231)	(3.021.905.932)
Thu nhập chịu thuế	(194.345.791.288)	33.869.128.196
Lỗ được chuyển lỗ	(198.030.000.807)	-
Thu nhập tính thuế	3.684.209.519	33.869.128.196
Trong đó,		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Hoạt động kinh doanh lương thực	15%	15%
Hoạt động khác (kể cả bất động sản)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	736.841.904	6.773.825.639
Tổng thuế TNDN phải nộp	736.841.904	6.773.825.639

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	22.091.324.025	2.485.148.435
Phí quản lý tài sản	-	2.000.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	1.696.000.000	420.278.000
Khác	930.198.219	2.941.055.440
Cộng	24.717.522.244	7.846.481.875

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

23. Phải trả khác**23.1. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	1.561.084.893	1.317.814.893
- Phải trả về cổ phần hóa	2.417.578.793	2.417.578.793
- Các khoản phải trả khác	685.828.397	856.246.765
Cộng	4.664.492.083	4.591.640.451

23.2. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba		
- Nhận tiền ký quỹ	668.200.000	976.381.818
Cộng	668.200.000	976.381.818

24. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	795.893.181.836	837.816.047.196
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	256.079.898.862	340.799.833.333
Cộng	1.051.973.080.698	1.178.615.880.529

24.1. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	1.900.000.000	-
Công ty TNHH Angimex Furious (VND) (24.1.8)	1.900.000.000	-
Bên thứ ba	439.052.840.776	837.816.047.196
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN An Giang (VND) (24.1.1.)	2.863.547.692	33.123.484.500
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (VND) (24.1.2.)	23.530.000.000	72.513.803.496
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (USD) (24.1.2.)	290.046.510.000	578.372.035.440
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang (VND) (24.1.3)	6.976.300.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang (USD)	-	16.367.813.760
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (VND) (24.1.4)	390.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (USD) (24.1.4)	27.440.967.300	55.649.760.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN TP Hồ Chí Minh (USD) (24.1.5)	78.207.870.000	-
Vay cá nhân - Trần Thị Thùy Dương (VND) (24.1.6)	2.079.319.000	-
Công ty CP chứng khoán Trí Việt (VND)	-	81.789.150.000
Vay cán bộ công nhân viên (VND) (24.1.7)	7.518.326.784	-
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả	354.940.341.060	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh (VND)	5.919.507.725	-
Trái phiếu AGMH2123001 - Nợ gốc (24.1.9)	350.000.000.000	-
Trái phiếu AGMH2123001 - Phí	(979.166.665)	-
Cộng	795.893.181.836	837.816.047.196

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 24.1.1. Khoản vay ngắn hạn theo hình thức thế tín dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, không có tài sản thế chấp.
- 24.1.2. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/548402/HĐTD, có kỳ hạn từ 105 ngày đến 4 tháng với lãi suất từ 3,6%/năm đến 9,5%/năm: Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty (Thuyết minh V.3, Thuyết minh V.11 và Thuyết minh V.13)
- 24.1.3. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 469/2021 /HĐTD/AGG/01, có kỳ hạn 8 tháng với lãi suất 8,75%/năm. Khoản vay nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty (Thuyết minh V.4 và Thuyết minh V.9).
- 24.1.4. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 4245/22MN/HĐTD, có kỳ hạn 4 tháng với lãi suất từ 5,55%/năm đến 12%/năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty (Thuyết minh V.3, Thuyết minh V.4 và Thuyết minh V.9).
- 24.1.5. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 3126/22/TD/I, có kỳ hạn 4 tháng với lãi suất 5% năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Công ty (Thuyết minh V.13).
- 24.1.6. Khoản vay ngắn hạn với cá nhân theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/2022 đến số 07/HĐTD/2022 có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.7. Khoản vay ngắn hạn với các cán bộ công nhân viên Công ty theo Thông báo số 489/TB-XNK có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 2%/năm đến 12%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.8. Khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan, có kỳ hạn dưới 12 tháng với lãi suất theo từng thời kỳ. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.9. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 69/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021, Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 102/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2123001 sẽ được sử dụng để mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp để mở rộng hoạt động sản xuất chế biến gạo. Ngày đáo hạn là ngày 09 tháng 11 năm 2023. Theo Biên bản Hội nghị sở hữu trái phiếu AGMH2123001 tổ chức ngày 03/02/2023, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết số phát sinh khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	837.816.047.196	273.889.500.000
Số tiền vay phát sinh	2.007.455.544.199	2.253.414.862.586
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	3.139.482.062	-
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang	354.940.341.060	-
Số tiền vay đã trả	(2.407.458.232.681)	(1.689.488.315.390)
Số cuối năm	795.893.181.836	837.816.047.196

24.2. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ thuê tài chính	46.551.398.860	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	46.551.398.860	-
Vay trái phiếu	209.528.500.002	340.799.833.333
Trái phiếu AGMH2223001 – Nợ gốc (24.2.1)	210.001.000.000	342.954.000.000
Trái phiếu AGMH2223001 – Phí	(472.499.998)	(2.154.166.667)
Cộng	256.079.898.862	340.799.833.333

24.2.1. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 132/NQ-HDQT ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2223001 sẽ được sử dụng để đầu tư, góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Angimex (Công ty con, tổ chức phát hành sở hữu 100% vốn) nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến lúa gạo. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu số 01/NQ-NSHTP ngày 04/7/2023, đã thông qua việc gia hạn trái phiếu AGMH2223001 đến ngày 14/9/2024.

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	340.799.833.333	-
Số tiền vay phát sinh	410.346.619.866	342.954.000.000
Số tiền vay đã trả	(140.126.213.277)	-
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang ngắn hạn	(354.940.341.060)	-
Giảm khác	-	(2.154.166.667)
Số cuối năm	256.079.898.862	340.799.833.333

25. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.453.016.602	4.184.566.602
Trích quỹ trong năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Thu quỹ phòng chống thiên tai	9.963.374	-
Sử dụng quỹ	(742.843.374)	(731.550.000)
Cộng	4.720.136.602	4.453.016.602

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

26. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên	1.989.698.016	2.427.490.016
Cộng	<u>1.989.698.016</u>	<u>2.427.490.016</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

27. Vốn chủ sở hữu**27.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ khác của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	86.951.785.049	394.436.785.049
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	28.186.564.937	28.186.564.937
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	114.138.349.986	421.623.349.986

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ khác của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm nay	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	114.138.349.986	421.623.349.986
Lợi nhuận trong năm nay (*)	-	-	-	(291.312.199.270)	(291.312.199.270)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	(178.173.849.284)	129.311.150.716

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 254/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thống nhất không thực hiện phân phối lợi nhuận cho năm 2022 do kinh doanh của Công ty không có lợi nhuận; đồng thời không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020, 2021 mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 và 2022 đã thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Chi tiết lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 như sau:

	Số cuối năm
Lợi nhuận sau thuế các năm trước chưa chia	113.138.349.986
Lợi nhuận sau thuế các năm nay của HĐKD bất động sản	2.029.922.760
Cổ tức được chia và các khoản không chịu thuế	1.594.002.231
Lỗ được phép chuyển lỗ đến 2027	(198.030.000.807)
Lỗ không được phép chuyển lỗ	(96.906.123.454)
Cộng	(178.173.849.284)

(**) Trích lập quỹ phúc lợi năm 2022 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/3/2022: 1.000.000.000 VND.

Vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Công ty cổ phần Louis Holdings	-	-	23%	41.859.500.000
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	-	28%	51.265.500.000
Các cổ đông khác	100%	182.000.000.000	49%	88.875.000.000
Cộng	100%	182.000.000.000	100%	182.000.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

27.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	182.000.000.000	182.000.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

27.3 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

27.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	18.200.000	18.200.000
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	18.200.000	18.200.000
" Cổ phiếu thường	18.200.000	18.200.000
" Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
" Cổ phiếu thường	-	-
" Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
" Cổ phiếu thường	18.200.000	18.200.000
" Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**28.1. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	8.768,92	2.319.925,00

28.2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh VIII.4

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng nông sản	2.780.164.001.404	2.849.141.044.222
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	-	419.250.006
Doanh thu khác	35.915.002.560	34.720.995.955
Cộng	2.816.079.003.964	2.884.281.290.183
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	(5.561.289.773)
Hàng bán bị trả lại	(57.760.561)	-
Cộng	(57.760.561)	(5.561.289.773)
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán hàng nông sản	2.780.106.240.843	2.843.579.754.449
Doanh thu thuần bán xe gắn máy và phụ tùng	-	419.250.006
Doanh thu thuần khác	35.915.002.560	34.720.995.955
Cộng	2.816.021.243.403	2.878.720.000.410

Trong đó,

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Công ty con	489.024.521.971	769.181.387.216
- Công ty liên doanh, liên kết	788.458.800	14.680.127.795
Cộng	489.812.980.771	783.861.515.011

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng nông sản	2.675.451.441.766	2.763.506.309.450
- Giá vốn hàng xe gắn máy và phụ tùng	-	419.250.006
Cộng	2.675.451.441.766	2.763.925.559.456

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.588.211.953	4.289.289.437
Lợi nhuận được chia	1.088.026.603	2.234.076.432
Lãi bán hàng trả chậm	5.046.490	351.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.542.609.817	8.885.188.822
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	3.207.665.690	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	31.071.454	-
Lãi thuần từ việc chuyển nhượng công ty con	-	35.700.000.000
Lãi đầu tư hoạt động tài chính khác	22.062.617.375	939.015.131
Cộng	50.525.249.382	52.047.920.822

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi tiền vay	83.990.728.135	12.632.017.746
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.158.528.793	3.609.852.277
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	2.458.473.983
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	133.540.246.679	-
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	38.565.203.375	-
Chi phí do các hoạt động tài chính khác	2.023.352.086	-
Cộng	286.278.059.068	18.700.344.006

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.451.823.700	2.449.496.303
Chi phí vật liệu, bao bì	43.782.206.884	17.092.790.080
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.138.826	25.949.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.856.967.499	68.168.834.038
Chi phí bằng tiền khác	3.024.261.365	1.407.849.800
Cộng	138.153.398.274	89.144.919.273

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	14.167.395.450	11.221.252.676
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.446.906.401	2.816.747.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.393.640.733	784.050.472
Thuế, phí và lệ phí	2.445.412.587	1.340.415.103
Chi phí dự phòng	41.526.990.322	215.040.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.682.178.999	2.171.925.783
Chi phí bằng tiền khác	3.715.396.076	6.657.377.943
Cộng	70.377.920.568	25.206.810.424

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập nhượng bán, thanh lý TSCĐ	13.939.932.400	-
- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	61.275.870.289	-
- Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	(47.335.937.889)	-
Thu nhập khác	885.668.214	1.689.502.640
Cộng	14.825.600.614	1.689.502.640

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	190.246.152
Chi phí khác	769.186.234	220.141.491
Cộng	769.186.234	410.387.643

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	492.336.094.005	412.461.008.175
- Chi phí nhân công	19.914.316.106	15.326.721.235
- Chi phí khấu hao TSCĐ	9.498.514.014	14.506.501.472
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.602.842.599	75.176.138.467
- Chi phí khác bằng tiền	31.861.280.719	37.120.178.249
Cộng	635.213.047.443	554.590.547.598

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn bằng khoản vay ngắn hạn	-	81.789.150.000
Góp vốn bằng tài sản cố định và công cụ dụng cụ	191.992.694.927	18.017.053.307

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Công nợ tiềm tàng

Chi phí hoàn nguyên liên quan đến đất thuê

Công ty có các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện đầy đủ việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Đa số các hợp đồng không có quy định rõ ràng về nghĩa vụ cần hoàn nguyên khu đất thuê. Ban Tổng Giám đốc đánh giá là Công ty có thể có các nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không nêu rõ điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng như không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Quách Tất Liệt (*)	-	18.760.000.000
Cộng	-	18.760.000.000

(*) Số dư thể hiện khoản tạm ứng để thực hiện công việc kinh doanh của Công ty và đã được hoàn ứng trong tháng 01 năm 2022. Tại thời điểm nhận tạm ứng, cá nhân này chưa phải là bên liên quan của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thù lao thành viên Hội đồng Chức danh quản trị		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch	-	350.000.000
Lê Huỳnh Gia Hoàng	Chủ tịch	-	119.000.000
Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch	335.000.000	335.000.000
Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch	211.000.000	
Nguyễn Minh Tân	Chủ tịch	-	40.000.000
Cao Thị Phi Hoàng	Chủ tịch	-	40.000.000
Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	-	40.000.000
Lê Văn Huy	Thành viên	60.000.000	90.000.000
Trịnh Văn Bảo	Thành viên	54.000.000	50.000.000
Đặng Doãn Kiên	Thành viên	50.000.000	50.000.000
Nguyễn Lê Văn	Thành viên	50.000.000	50.000.000
Tổng thu nhập		760.000.000	1.164.000.000

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và nhân sự quản lý khác	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	1.538.422.300	854.589.001
Võ Thanh Bào	Tổng Giám đốc	253.226.800	258.628.572
Vũ Tiến Hùng	Tổng Giám đốc	-	318.609.570
Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc	-	566.700.000
Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	909.521.255	351.746.001
Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám đốc	787.936.944	-
Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	280.500.000	-
Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	233.241.486	-
Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	58.350.900	697.640.250
Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	706.104.823	514.618.784
Tổng thu nhập		4.767.304.508	3.562.532.178

Thù lao của Ban kiểm soát	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	40.000.000	40.000.000
Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	25.000.000	25.000.000
Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	25.000.000	25.000.000
Tổng thu nhập		90.000.000	90.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan khác	Quan hệ
- Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp	Công ty con
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (*)	Công ty con (cấp 2)
- Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	Công ty liên kết
- Công ty CP Golden Paddy	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex	Công ty liên kết
- Công ty CP Louis Capital (**)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn

(*) Trở thành công ty con vào ngày 19/12/2022.

(**) Không còn là các bên liên quan tại thời điểm 31/12/2022 do Louis Holding đã thoái vốn trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2022 đến ngày 26/8/2022.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	788.458.800	1.408.140.000
Công ty con	489.024.521.971	767.773.247.216
Cộng	489.812.980.771	783.861.515.011
Mua hàng hóa và dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty con	621.582.080.629	765.611.638.103
Cộng	621.582.080.629	765.611.638.103
Góp vốn	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	9.800.000.000	32.500.000.000
Công ty con	633.152.694.927	20.000.000.000
Cộng	642.952.694.927	52.500.000.000
Giảm vốn	Năm nay	Năm trước
Công ty con	200.010.000.000	-
Cộng	200.010.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chuyển nhượng vốn góp	Năm nay	Năm trước
Bên liên quan khác	-	83.300.000.000
Cộng	-	83.300.000.000
Nhận chuyển nhượng vốn	Năm nay	Năm trước
Bên liên quan khác	32.300.000.000	-
Cộng	32.300.000.000	-
Lợi nhuận được chia	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	1.088.026.603	2.234.076.432
Cộng	1.088.026.603	2.234.076.432
Cho vay	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	-	114.060.000.000
Công ty con	14.600.000.000	27.620.000.000
Cộng	14.600.000.000	141.680.000.000
Thu hồi cho vay	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	-	110.460.000.000
Công ty con	14.600.000.000	29.270.106.426
Cộng	14.600.000.000	139.730.106.426
Lãi cho vay	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	-	-
Công ty con	398.592.837	939.015.131
Cộng	398.592.837	939.015.131
Đi vay	Năm nay	Năm trước
Công ty con	47.600.000.000	-
Cộng	47.600.000.000	-
Trả nợ vay	Năm nay	Năm trước
Công ty con	47.600.000.000	-
Cộng	47.600.000.000	-
Trả lãi vay	Năm nay	Năm trước
Công ty con	244.926.027	-
Cộng	244.926.027	-

Số dư với các bên liên quan khác

Phải thu ngắn hạn khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh, liên kết	-	9.087.849.371
Cộng	-	9.087.849.371
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh, liên kết	-	1.049.190.000
Cộng	-	1.049.190.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phải thu về cho vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh, liên kết	-	12.800.000.000
Cộng	-	12.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh, liên kết	-	530.161.644
Công ty con	69.887.110.600	53.530.187.026
Bên liên quan khác	-	64.800.000.000
Cộng	69.887.110.600	118.860.348.670
Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con	108.834.655.205	-
Cộng	108.834.655.205	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con	8.930.880.721	125.630.40.020
Cộng	8.930.880.721	125.630.40.020
Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con	68.856.164	-
Cộng	68.856.164	-
Vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con	1.900.000.000	-
Cộng	1.900.000.000	-

3. Thông tin về bộ phận

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Năm 2022

	Doanh thu bán hàng nông sản	Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	2.780.106.240.843	-	35.915.002.560	2.816.021.243.403
Giá vốn hàng bán	(2.675.451.441.766)	-	-	(2.675.451.441.766)
Lợi nhuận gộp	104.654.799.077	-	35.915.002.560	140.569.801.637

Năm 2021

	Doanh thu bán hàng nông sản	Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	2.843.579.754.449	419.250.006	34.720.995.955	2.878.720.000.410
Giá vốn hàng bán	(2.763.506.309.450)	(419.250.006)	-	(2.763.925.559.456)
Lợi nhuận gộp	80.073.444.999	-	34.720.995.955	114.794.440.954

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khu vực địa lý**Năm 2022**

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.048.728.823.726	1.767.292.419.677	2.816.021.243.403
Giá vốn hàng bán	(1.009.945.515.092)	(1.665.505.926.674)	(2.675.451.441.766)
Lợi nhuận gộp	39.945.392.834	100.624.408.803	140.569.801.637

Năm 2021

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.755.624.365.604	1.123.095.634.806	2.878.720.000.410
Giá vốn hàng bán	(1.663.499.119.660)	(1.100.426.439.796)	(2.763.925.559.456)
Lợi nhuận gộp	92.125.245.944	22.669.195.010	114.794.440.954

4. Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	861.355.425	1.227.448.428
Từ 1 đến 5 năm	3.445.421.700	5.029.793.712
Trên 5 năm	24.851.735.150	18.604.873.508
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	29.158.512.275	24.862.115.648

5. Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	-	54.034.835.805
Từ 1 đến 5 năm	-	34.939.343.220
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	-	88.974.179.025

6. Cam kết góp vốn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	-	350.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	-	9.800.000.000
Cty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	24.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kỳ Nguyên Xanh Angimex	20.000.000.000	-
Tổng cộng các khoản góp vốn tối thiểu	44.600.000.000	359.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty đã có số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng là 178.173.849.284 VND. Khoản lỗ này đã làm cho vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ) tại ngày 31/12/2022 bị giảm xuống chỉ còn 3.826.150.716 VND, tương đương 2,1% vốn góp của chủ sở hữu.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 496.243.017.169 VND (Tại ngày 01/01/2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn thấp hơn tài sản ngắn hạn là 67.968.085.701 VND), điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty và có thể sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc lý kế toán

Vào ngày 18 tháng 1 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Công ty con). Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo Hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty có kế hoạch thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết để tái cấu trúc hoạt động của Công ty, giảm khó khăn về nguồn vốn, chi phí lãi vay, giảm lỗ trong thời gian tới.

Cao Phước Qui
Người lập

Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: H16./XNK-TCKT

An Giang, ngày 25 tháng 08 năm 2023

(V/v Giải trình lợi nhuận năm 2022 đã kiểm
toán so với lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán –
Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 như sau:

I. Giải trình Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Trong năm 2022, doanh thu trên BCTC của Angimex giảm 62.699 triệu đồng, tương ứng giảm 2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên chi phí bán hàng, logistic lại tăng mạnh làm ảnh hưởng đến hiệu quả công ty. Đồng thời, công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán 38.565 triệu đồng, trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 43.429 triệu đồng và chi phí tài chính tăng 267.578 triệu đồng (chủ yếu do chi phí lãi vay tăng và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác). Đây là những nguyên nhân chủ yếu làm kết quả kinh doanh năm 2022 lỗ.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, các khoản trích lập dự phòng: dự phòng giảm giá chứng khoán, dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và chi phí tài chính tăng là nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế lỗ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC HN			
	2022	2021	Chênh lệch	%	2022	2021	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ	2.816.021	2.878.720	-62.699	-2%	3.429.849	3.924.841	-494.991	-13%
Giá vốn hàng bán	2.675.451	2.763.926	-88.474	-3%	3.250.301	3.690.587	-440.286	-12%
Lợi nhuận gộp	140.570	114.794	25.775	22%	179.548	234.253	-54.705	-23%
Doanh thu hoạt động tài chính	50.525	52.048	-1.523	-3%	75.359	47.158	28.201	60%
Chi phí tài chính	286.278	18.700	267.578	1431%	163.180	27.304	135.875	498%
Trong đó: chi phí lãi vay	83.991	12.632	71.359	565%	94.123	21.000	73.123	348%
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK	00	00	00	0%	5.126	551	4.575	830%
Chi phí bán hàng	138.153	89.145	49.008	55%	200.411	176.171	24.240	14%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.378	25.207	45.171	179%	141.828	36.236	105.592	291%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-303.714	33.790	-337.505	-999%	-245.384	42.252	-287.636	-681%
Lợi nhuận khác	14.056	1.279	12.777	999%	14.925	15.337	-412	-3%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-289.658	35.069	-324.727	-926%	-230.459	57.589	-288.048	-500%
Thuế TNDN	1.654	6.883	-5.229	-76%	2.523	12.876	-10.353	-80%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-291.312	28.187	-319.499	-1134%	-232.983	44.712	-277.695	-621%

II. Giải trình chênh lệch KQKD năm 2022 trước và sau kiểm toán:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Lợi nhuận năm 2022 chênh lệch trước và sau kiểm toán giảm thêm 180.283 triệu đồng là do:

- Công ty đã trích dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng qui định thông tư 48/2019/TT-BTC. Tuy nhiên, kiểm toán đánh giá mức độ tổn thất cao hơn, nên đã trích thêm các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi và các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác vào kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Trích bổ sung chi phí lãi vay trái phiếu phải trả đến 31.12.2022 theo Nghị quyết Chủ sở hữu trái phiếu sau thời điểm Công ty công bố BCTC tự lập.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, Công ty ghi nhận thêm khoản trích bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi vào chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí lãi vay trái phiếu phải trả đến 31.12.2022 vào chi phí tài chính đã làm kết quả kinh doanh năm 2022 lỗ thêm 93.686 triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng 2022				BCTC HN 2022			
	Trước kiểm toán	Đã kiểm toán	Chênh lệch	%	Trước kiểm toán	Đã kiểm toán	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ	2.840.425	2.816.021	-24.404	-1%	3.454.343	3.429.849	-24.494	-1%
Giá vốn hàng bán	2.699.360	2.675.451	-23.909	-1%	3.269.605	3.250.301	-19.304	-1%
Lợi nhuận gộp	141.065	140.570	-495	0%	184.739	179.548	-5.190	-3%
Doanh thu hoạt động tài chính	50.525	50.525	00	0%	75.359	75.359	00	0%
Chi phí tài chính	131.623	286.278	154.655	117%	142.065	163.180	21.114	15%
Trong đó: chi phí lãi vay	62.876	83.991	21.114	34%	73.008	94.123	21.114	29%
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK	-	-	-	-	9.986	5.126	-4.860	-49%
Chi phí bán hàng	138.153	138.153	00	0%	204.956	200.411	-4.545	-2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.688	70.378	23.690	51%	76.671	141.828	65.157	85%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-124.875	-303.714	-178.839	143%	-153.609	-245.384	-91.776	60%
Lợi nhuận khác	14.056	14.056	00	0%	15.392	14.925	-467	-3%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-110.818	-289.658	-178.839	161%	-138.217	-230.459	-92.243	67%
Thuế TNDN	211	1.654	1.443	685%	1.080	2.523	1.443	134%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-111.029	-291.312	-180.283	162%	-139.296	-232.983	-93.686	67%

Kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH THANH TÙNG